

MỤC LỤC

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	6
1.1. Tên chủ cơ sở	6
1.2. Tên dự án đầu tư	6
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư	9
1.3.1. Công suất của dự án đầu tư.....	9
1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư.....	10
1.3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:.....	14
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư	14
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:.....	18
1.5.1. Máy móc thiết bị.....	18
1.5.2. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án:	20
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	21
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	21
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	26
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	29
3.1. Các công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	29
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa:	29
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải: Dự án đang hoạt động ổn định, quá trình hoạt động phát sinh nước thải sinh hoạt và sản xuất.....	30
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	33
3.2.1. Nguồn phát sinh và các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường không khí như sau:	33
3.2.2. Các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải của dự án thuộc đối tượng xin cấp Giấy phép môi trường như sau:	35
3.2.3. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác:	41
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	43

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	45
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung	46
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	46
3.7. Các nội dung thay đổi so với nội dung đề án bảo vệ môi trường của dự án.....	53
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	55
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	55
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:.....	56
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	58
4.4. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại (nếu có): Toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh của dự án được chủ dự án thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đưa đi xử lý. Do đó, Dự án không có đề nghị cấp giấy phép dịch vụ xử lý chất thải nguy hại.	58
4.5. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (nếu có): Dự án không sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất. Như vậy, dự án không có đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.	59
4.6. Nội dung về quản lý chất thải:.....	59
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	62
5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường	62
5.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải:.....	62
5.3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải.....	65
5.4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải.....	65
5.5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường	67
Chương VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	68
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư.....	68
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	68
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....	68
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.	70

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
“Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm” của Công ty TNHH Sunjin Vina-cn
Hưng Yên’

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	70
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	71
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	71
Chương VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	72
PHỤ LỤC BÁO CÁO	74

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

KCN	:	Khu công nghiệp
CTR	:	Chất thải rắn
CTNH	:	Chất thải nguy hại
BTCT	:	Bê tông cốt thép
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
KT-XH	:	Kinh tế - xã hội
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
COD	:	Nhu cầu oxi hóa học
BOD ₅	:	Nhu cầu oxi sinh học
DO	:	Hàm lượng oxi hòa tan
SS	:	Chất rắn lơ lửng
WHO	:	Tổ chức Y tế thế giới
NXB	:	Nhà xuất bản
BTNMT	:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BYT	:	Bộ Y tế
UBND	:	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1: Bảng kê tọa độ ranh giới quy hoạch.....	7
Bảng 1.2: Bảng nhu cầu sử dụng nguyên liệu vật liệu phục vụ quá trình sản xuất của dự án.....	14
Bảng 1.3: Dự báo nhu cầu sử dụng điện và nước của dự án (tính cho ngày sử dụng lớn nhất khi thay thế các bể nước làm mát).....	17
Bảng 3.2. Khối lượng, chủng loại chất thải thông thường phát sinh.....	43
Bảng 3.3. Danh mục, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh	45
Bảng 3.5: Bảng các nội dung thay đổi so với.....	53
Bảng 4.2: Bảng các thông số ô nhiễm đặc trưng trong khí thải và giới hạn nồng độ các thông số ô nhiễm xả thải vào môi trường.....	57
Bảng 4.3: Bảng giá trị giới hạn cho phép của tiếng ồn.....	58
Bảng 4.4: Bảng giá trị giới hạn cho phép của độ rung	58
Bảng 5.1: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải sinh hoạt năm 2023	63
Bảng 5.2: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải sản xuất năm 2024	63
Bảng 5.3: Bảng kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi và khí thải năm 2023	64
Bảng 5.4: Bảng kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi và khí thải năm 2024	65
Bảng 5.5. Tình hình phát sinh và biện pháp xử lý đối với chất thải năm 2023	66
Bảng 5.6. Tình hình phát sinh và biện pháp xử lý đối với chất thải năm 2024	66
Bảng 6.1: Bảng tổng hợp thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án.....	68

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.1. Tên chủ cơ sở

Công ty TNHH Sunjin Vina

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô II-11, KCN Hồ Nai, xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

- Điện thoại:.....; Fax:

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Ik Mo

+ Sinh ngày: 03/02/1966 Quốc tịch: Hàn Quốc

+ Hộ chiếu số: M16793214 do Hàn Quốc cấp ngày 20/02/2020

+ Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Hanshin APT 103-205, Ilwon – Dong, Gangnam-Gu, Seoul, Hàn Quốc.

+ Chỗ ở hiện tại: Chung cư Estella, phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

+ Chức vụ: Tổng Giám đốc

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600665280 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký lần đầu ngày 12/02/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 02/11/2020.

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số chi nhánh 3600665280-006, đăng ký lần đầu ngày 10/11/2020. (tên chi nhánh Công ty TNHH Sunjin Vina – Chi nhánh Hưng Yên).

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 3266548652 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Hưng Yên chứng nhận lần đầu ngày 17/3/2010, chứng nhận thay đổi lần thứ 7 ngày 06/4/2023.

1.2. Tên dự án đầu tư

*** Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm**

*** Địa điểm thực hiện dự án đầu tư:**

- Địa chỉ: Lô đất thuộc Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

- Tổng diện tích đất sử dụng: 20.000 m²

- Vị trí tiếp giáp của khu đất thực hiện dự án như sau:

- + Phía Nam: Giáp;
- + Phía Đông: Giáp đường nội bộ của KCN
- + Phía Tây: Giáp Công ty Cổ phần Kim Tín Hưng Yên.
- + Phía Bắc: Giáp



Hình 1. 1. Vị trí khu đất thực hiện dự án trong KCN Phố Nối A

- Vị trí tọa độ ranh giới lô đất thực hiện dự án: theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3^0 như sau:

Bảng 1.1: Bảng kê tọa độ ranh giới quy hoạch

Điểm mốc	Tọa độ điểm	
	X (m)	Y (m)
1	2317930,34	554990,72
2	2317895,36	555132,27
3	2317763,52	555099,43
4	2317796,27	554958,93

Sơ đồ vị trí, mặt bằng tổng thể của khu đất thực hiện dự án đính kèm phần phụ lục của báo cáo

*** Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng các công trình của dự án:** Ban Quản lý các KCN tỉnh Hưng Yên

*** Cơ quan cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư:** Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Quyết định số 1483/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm và dự án Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm mở rộng của Công ty TNHH Sunjin Farmsco

Công ty TNHH Sunjin Farmsco đã được sát nhập vào Công ty TNHH Sunjin Vina vào cuối năm 2020. Năm 2023, chủ dự án đã sát nhập dự án Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm mở rộng vào dự án Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.

*** Quy mô của dự án đầu tư:** Theo nội dung đăng ký đầu tư, dự án thực hiện với mục tiêu “Sản xuất, chế biến thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm và cho các loại vật nuôi khác. 2.2. Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn (không gắn với việc thành lập cơ sở bán buôn) các mặt hàng có mã HS như sau: 1001; 1005; 1201; 2302; 0714; 2304; 2306; 2301; 2303; 2922; 0404; 1702.”. Tổng quy mô công suất: 130.000 tấn sản phẩm/năm. Quy mô tổng mức vốn đầu tư là 379.363.500.000 đồng (*một trăm năm mươi bảy tỷ tám trăm mười năm triệu*) đồng.

- Theo quy định tại Luật Đầu tư công năm 2024: Dự án thuộc nhóm B.
- Đối chiếu theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ thì dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường;
- Yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định: Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

- Loại hình sản xuất kinh doanh: Sản xuất thức ăn chăn nuôi
- Phân nhóm dự án đầu tư: Dự án có tiêu chí môi trường thuộc dự án nhóm III (có số thứ tự 2, mục II, phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

Dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1483/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2020. Quá trình hoạt động từ

năm 2020 đến nay chủ dự án không thay đổi điều chỉnh quy mô công suất, công nghệ của dự án. Căn cứ điểm c, Khoản 3, Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Dự án thuộc đối tượng lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường trình UBND tỉnh Hưng Yên cấp phép.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư

1.3.1. Công suất của dự án đầu tư

** Mục tiêu của dự án theo đăng ký:* Sản xuất, chế biến thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm và cho các loại vật nuôi khác

** Công suất của dự án theo đăng ký:*

- Giai đoạn I: 108.000 tấn sản phẩm/năm;
- Giai đoạn II: 22.000 tấn sản phẩm/năm;

** Việc thực hiện các thủ tục hành chính về môi trường của Công ty:*

- Dự án đã đi vào hoạt động năm 2007, dự án đã được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận bản đăng ký đặt tiêu chuẩn môi trường tại Phiếu xác nhận số 14/PXN-TNMT ngày 10/4/2006.

- Do điều chỉnh mục tiêu quy mô, Chủ dự án đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho các dự án Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm và dự án Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm mở rộng và được UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt tại Quyết định số 1483/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2020 (Năm 2023, chủ dự án đã sát nhập dự án Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm mở rộng vào dự án Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm). Công ty chưa được cơ quan chức năng xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án. Đến thời điểm hiện tại, dự án cũng chưa được cơ quan có chức năng cấp Giấy phép môi trường theo quy định. Nguyên nhân việc thực hiện chưa đầy đủ thủ tục hành chính về môi trường do, Công ty đã tiến hành rà soát tổng thể nhà máy và các điều kiện cần thiết để thực hiện thủ tục xin cấp Giấy phép môi trường theo quy định. Qua quá trình rà soát, công ty phát hiện đã bị thất lạc một số giấy tờ và bản vẽ của hạ tầng và máy móc của nhà máy, vì vậy công ty đã khẩn trương tìm các biện pháp để tìm kiếm và bổ sung các loại giấy tờ để phục vụ công tác thuyết minh quy trình sản xuất và phương án bảo vệ môi trường. Tuy nhiên do sự phức tạp của quy trình sản xuất và cơ sở hạ tầng, việc thực hiện tìm kiếm và bổ sung gặp rất nhiều khó khăn và cản trở, vấn đề này đã tiêu tốn rất nhiều

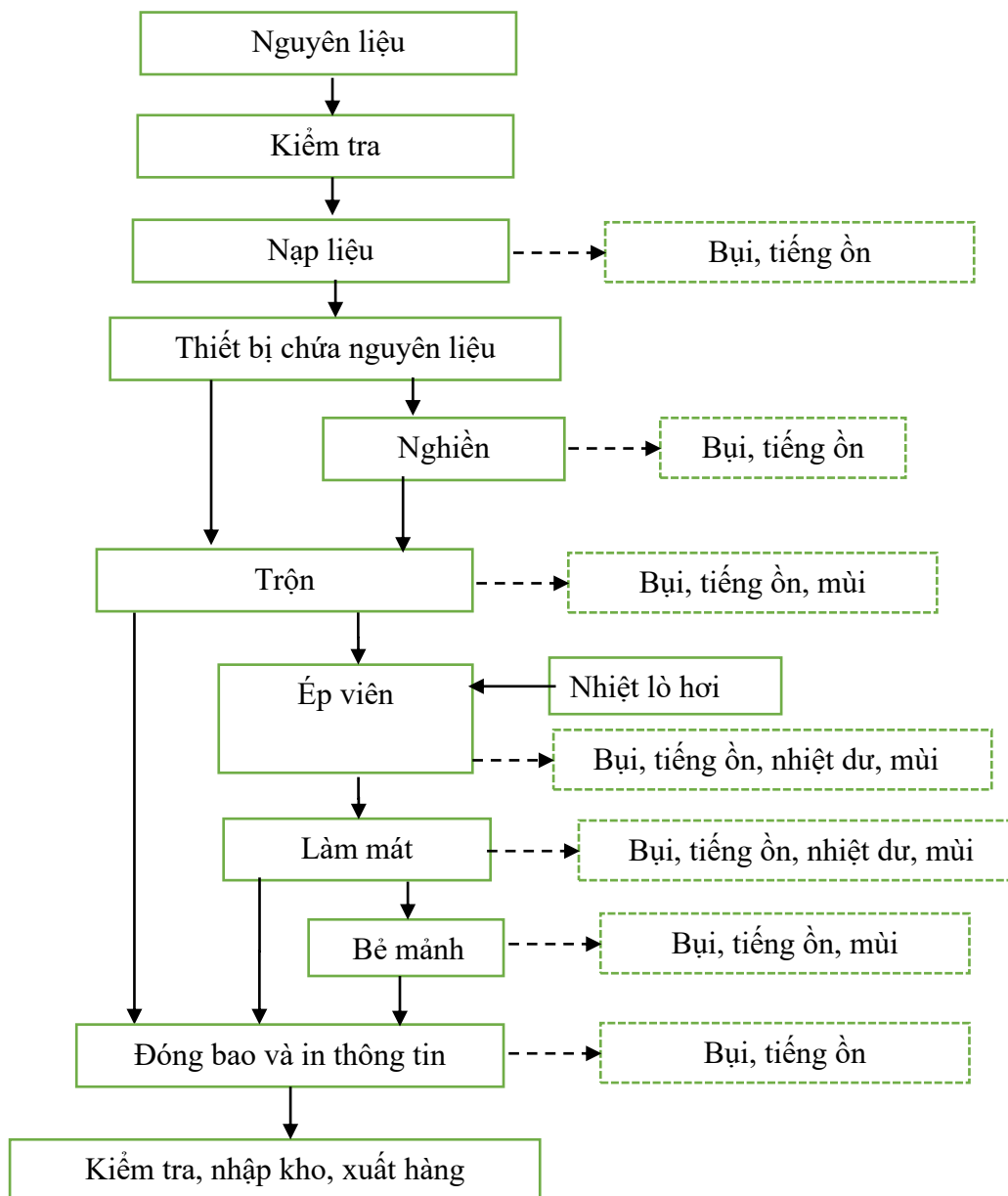
thời gian của công ty, do đó công ty đã không thể thực hiện các thủ tục đúng thời hạn quy định.

*** Phạm vi đánh giá và xin cấp phép trong báo cáo:** Toàn bộ dự án

1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

a. Sản phẩm của dự án: Sản phẩm của dự án là thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm và cho các loại vật nuôi khác (dự án không sản xuất thức ăn thủy sản).

b. Quy trình sản xuất: Quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi tại dự án hoàn toàn khép kín từ khâu nguyên liệu đầu vào tới khi thu được các sản phẩm cám đầu ra.



Hình 1.2. Sơ đồ quy trình sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm của cơ sở

c. Thuyết minh

* Nguyên liệu từ các nhà cung cấp được nhân viên kiểm tra mẫu theo các chỉ tiêu quy định về tiêu chuẩn nguyên liệu. Chỉ có các nguyên liệu đạt tiêu chuẩn mới được phép nhập và lưu giữ trong kho của nhà máy. Nguyên liệu không đảm bảo yêu cầu, dự án không thu mua, sẽ chuyển trả nhà cung cấp

* Công đoạn nạp liệu: nguyên liệu nhập về nhà máy tùy theo loại nguyên liệu thực hiện nạp liệu khác nhau. Tại dự án có 02 hệ thống nạp liệu gồm hệ thống nạp nguyên liệu vào Silo và Hệ thống nạp nguyên liệu tại cửa nạp.

- Cửa nạp Silo: Khi có nguyên liệu cần nạp vào Silo (Ngô, mạch, barley), bộ phận kho gọi điện báo nhân viên CR tên nguyên liệu và Silo cần cho vào, nhân viên CR khởi động máy. Nguyên liệu đổ vào cửa nạp Silo sẽ qua đường chuyển sau đó được đổ về các silo theo yêu cầu. Trong quá trình xả nguyên liệu quạt hút bụi sẽ hoạt động để giảm bụi. Khi hết nguyên liệu cần nạp vào Silo, nhân viên kho sẽ báo nhân viên CR chọn “Finish” để kết thúc.

- Hệ thống cửa nạp nguyên liệu tại cửa nạp: tại nhà máy có 2 hệ thống cửa nạp gồm:

+ Cửa nạp 1 Chỉ nạp nguyên liệu phải nghiền như ngô, mạch, barley, khô đậu, khô cải, khô cò,... lên các bin chứa trước khi nghiền

+ Cửa nạp 2: IN10 – Nạp nguyên liệu phải nghiền (như cám mỳ, DDGS, RCP, ...) và không phải nghiền (như cám gạo, bột mỳ, ngô nỏ, bột thịt, bột cá, DCP, bột đá, ...). Nguyên liệu phải nghiền đưa lên bin chứa trước nghiền; Nguyên liệu không phải nghiền đưa đến bin chứa nguyên liệu mịn (20bin)

* Công đoạn nghiền: Với nguyên liệu cần nghiền trước khi phối trộn, sẽ được đưa qua máy nghiền. Trước tiên nguyên liệu từ Silo chứa được đưa đến bin chứa trước nghiền; nguyên liệu cần nghiền từ cửa nạp liệu cũng được đưa đến bin chứa trước nghiền. Nguyên liệu từ các bin chứa trước nghiền được qua máy nghiền, tại dự án có 03 máy nghiền, Công suất 7-18 tấn/h tùy từng nguyên liệu, Máy nghiền 1 và 3 chung 1 hệ thống nên nghiền chung 1 loại nguyên liệu; Lưới sàng kích cỡ 2.2mm

Trong quá trình sản xuất: Nhân viên CR kiểm tra tình trạng sàng nghiền để vận hành; nhân viên QC cũng đồng thời kiểm tra để theo dõi, đảm bảo chất lượng nguyên liệu sau nghiền. nếu phát hiện có mảnh nguyên liệu thô phải báo lại để

kiểm tra điều kiện sàng có rách hoặc lỏng ốc hờ sàng không để tiến hành sửa chữa và thay thế.

* Công đoạn trộn:

- Nhân viên CR tiến hành order công thức cân trộn từ máy chủ, sau đó hệ thống cân sẽ cân tự động theo công thức:

+ Nguyên liệu thô: lần lượt cân từ nguyên liệu số lượng lớn đến nguyên liệu số lượng bé

+ Nguyên liệu premix từ hệ thống microbin

+ Nguyên liệu premix từ công thức cân thủ công qua cửa đổ premix

- Sau khi đủ các nguyên liệu trên, hệ thống sẽ tự động đưa toàn bộ nguyên liệu về bin chờ trộn đồng thời hệ thống sẽ đưa chất lỏng (dầu nành, rỉ mật, dầu cọ, nước) qua cân theo công thức

- **Sau khi cân định lượng**, toàn bộ nguyên liệu sẽ được đưa vào máy trộn để bắt đầu trộn theo 3 giai đoạn:

+ **Giai đoạn 1**- Trộn khô (khi chưa có chất lỏng): Kéo dài trong 30s,

+ **Giai đoạn 2**- Trộn ướt (khi đã được bơm chất lỏng): Kéo dài trong 60s

+ **Giai đoạn 3**- Trộn hỗn hợp: Tiếp tục trộn đều trong vòng 250s đối với sản phẩm 910st và 210s đối với những sản phẩm còn lại(thời gian cài đặt căn cứ vào kết quả kiểm tra độ đồng đều của mixer)

- Sau khi kết thúc quá trình trộn, máy trộn sẽ xả nguyên liệu bán thành phẩm xuống hopper (thùng chứa), sau đó hệ thống sẽ đưa bán thành phẩm xuống bin chờ ép Với cám đậm đặc sản phẩm sẽ chuyển từ trộn đi thẳng về bin đóng bao không qua công đoạn làm mát.

* **Hệ thống ép viên:** tại dự án có 2 máy ép viên máy I và máy II.

- Trước tiên nhân viên thực hiện Chuẩn bị

+ Bật nồi hơi: cung cấp hơi nước cho quá trình ép viên

+ Kiểm tra khuôn máy ép viên sao cho phù hợp với từng sản phẩm

+ Vệ sinh nam châm hàng ngày

+ Kiểm tra và bơm mỡ lô ép (roller)

+ Xiết lại toàn bộ ốp mâm, ốp die cho chặt lại

+ Kiểm tra dầu bôi trơn hộp số (qua cửa sổ bên thân máy)

- Chạy thử nghiệm: Kiểm tra hoạt động của máy bằng cách nghe tiếng động cơ, nếu bất thường báo ngay cho trưởng ca hoặc quản lý sản xuất. Roller phải bám đều trên bề mặt khuôn, không lắc nhiều và không có tiếng kêu rít

- Quá trình ép viên: Nhân viên Pellet thực hiện các thao tác trên màn hình điều khiển, Khởi động động cơ chính, khởi động trộn ướt 2, khởi động trộn ướt 1, khởi động Feeder sau đó mở van để cấp hơi nước vào (Nhiệt độ hơi phối vào quy định với cám heo con từ 70-75. Các sản phẩm khác từ 70-85 độ C). Sau đó cám được đưa vào máy ép để ép viên. Trong quá trình ép viên thực hiện kiểm tra và điều chỉnh dao cắt phù hợp theo từng dòng sản phẩm; Kiểm tra màu sắc, kích cỡ, mùi vị sao cho đồng đều mới được gạt cánh cửa để cho viên cám sau ép xuống buồng làm mát.

* **Quá trình làm mát:** Viên cám sau ép được làm mát bằng biện pháp dùng quạt hút, hút nhiệt từ buồng làm mát ra ngoài. Quá trình hút kéo theo bụi phát sinh do đó chủ dự án lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý bụi để tái sử dụng làm nguyên liệu cho quy trình sản xuất, khí sạch bụi và nhiệt thoát ra môi trường. Sau khi làm mát đảm bảo nhiệt độ:

- Đối với dòng sản phẩm không cần bẻ mảnh: đưa cám về bin thành phẩm
- Đối với dòng sản phẩm cần bẻ mảnh: đưa cám qua máy bẻ mảnh để bẻ mảnh sau đó mới đưa về bin thành phẩm

* **Công đoạn bẻ mảnh:** Với sản phẩm yêu cầu bẻ mảnh, Cám viên sau khi được làm mát sẽ chạy qua máy bẻ mảnh. Nhân viên pellet chỉnh máy bẻ mảnh và kiểm tra cám tới khi đạt kích thước mảnh mới tiến hành cho cám về bin ra bao.

* **Công đoạn đóng bao**

- Chuẩn bị: Nhân viên ra bao nhận kế hoạch từ trưởng ca, nhân viên ra bao chuẩn bị bao bì theo kế hoạch; Kiểm tra máy in phun vào đầu ca sản xuất (kiểm tra đúng ngày, tháng).

- Đóng bao: Xả cám và kiểm tra đầu bao, cám được dùng để tái chế RCP, Nhân viên QC cân và ghi chép lại số lượng khi phát sinh và tập hợp khu tái chế hàng ngày. Đóng bao, trong quá trình đóng kiểm tra tịnh bao bằng cân 60kg theo tần suất 120 bao/lần. Khi đóng hết mã sản phẩm, lượng cám còn lại không đủ trọng lượng tịnh của bao cám, cám được sử dụng để tái chế RCP, Cám RCP được nhân viên xe nâng gắn biển nhận diện và chuyển đến khu vực quy định.

Bao cám thành phẩm được nhập kho, chờ xuất hàng.

* Tại công ty không bố trí phòng thí nghiệm đạt chuẩn về thí nghiệm thức ăn chăn nuôi mà chỉ bố trí 01 phòng kiểm nghiệm sản xuất nội bộ (phòng thí nghiệm nội bộ). Trong phòng đặt máy đo: đo độ bền hạt, đo độ ẩm, đo độ cứng và máy phân tích hồng ngoại. Quá trình thực hiện tests nhanh nên không sử dụng nước, không dùng hoá chất. Với những yêu cầu kiểm nghiệm cao, sản phẩm được đưa đến các đơn vị chức năng để kiểm nghiệm.

1.3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:

Sản phẩm đầu ra của dự án là thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm và cho các loại vật nuôi khác.

Quy mô công suất: 130.000 tấn sản phẩm/năm

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

a. Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên vật liệu sử dụng cho năm hoạt động ổn định

Năm 2024, công suất của dự án 23.926 tấn/năm, đạt 18,4% quy mô công suất theo đăng ký. Căn cứ thực tế sản xuất, Quá trình hoạt động, nhu cầu sử dụng các nguyên liệu của Dự án tính cho năm sản xuất ổn định được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1.2: Bảng nhu cầu sử dụng nguyên liệu vật liệu phục vụ quá trình sản xuất của dự án

STT	Nguyên, nhiên liệu	Khối lượng (tấn/năm)		Nguồn cung cấp
		Năm 2024	Ổn định	
1.	Bắp hạt	9.412,925	51.157	Việt Nam/ Nhập khẩu
2.	Hạt lúa mỳ	2.439,34	13.257	Việt Nam/ Nhập khẩu
3.	Khô đậu nành	3.127,945	17.000	Việt Nam/ Nhập khẩu
4.	Khô dầu cọ	244,489	1.329	Việt Nam/ Nhập khẩu
5.	Bột bã ngô	560,253	3.045	Việt Nam/ Nhập khẩu
6.	Cám mỳ	654,467	3.557	Việt Nam/ Nhập khẩu
7.	Cám gạo	2.651,091	14.408	Việt Nam/ Nhập khẩu
8.	Khô đậu tương lên men	159,686	868	Việt Nam/ Nhập khẩu

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
“Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm” của Công ty TNHH Sunjin Vina-cn
Hưng Yên’

9.	Bột cá 65%	59,572	232,75	Việt Nam/ Nhập khẩu
10.	Bột xương thịt	235,983	1.283	Việt Nam/ Nhập khẩu
11.	Dầu nành	43,219	235	Việt Nam/ Nhập khẩu
12.	Dầu cọ	126,735	689	Việt Nam/ Nhập khẩu
13.	Rỉ mật	15,059	82	Việt Nam/ Nhập khẩu
14.	Bột váng sữa	135,489	734	Việt Nam/ Nhập khẩu
15.	DCP	101,854	554	Việt Nam/ Nhập khẩu
16.	Bột đá	176	956	Việt Nam/ Nhập khẩu
17.	Muối	82,049	45	Việt Nam/ Nhập khẩu
18.	Các Loại khoáng	65	353	Việt Nam/ Nhập khẩu
19.	Axit Amin	192,471	1.043	Việt Nam/ Nhập khẩu
20.	Các loại vitamin, premix và khoáng chất	35,403	192	Việt Nam/ Nhập khẩu
21.	Halquinol 20%	9,318	49	Việt Nam/ Nhập khẩu
22.	NaHCO ₃	10,504	57	Việt Nam/ Nhập khẩu
23.	Đường	85,680	467	Việt Nam/ Nhập khẩu
24.	Hương sữa	6,247	34	Việt Nam/ Nhập khẩu
25.	Chất chống oxi hoá	1,147	6	Việt Nam/ Nhập khẩu
26.	Tạo màu vàng	3,158	18	Việt Nam/ Nhập khẩu
27.	Tại màu đỏ	0,629	3	Việt Nam/ Nhập khẩu
28.	Chất chống mốc	5,5	30	Việt Nam/ Nhập khẩu
29.	Kháng sinh	8	43	Việt Nam/ Nhập khẩu
30.	Enzyme	9,46	51	Việt Nam/ Nhập khẩu
31.	Bột mì	1.111	6.038	Việt Nam/ Nhập khẩu
32.	Bột hỗn hợp thức ăn bổ sung cho thức ăn chăn nuôi	270,008	1.467	Việt Nam/ Nhập khẩu
33.	Bột ngô	178	967	Việt Nam/ Nhập khẩu

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
“Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm” của Công ty TNHH Sunjin Vina-cn
Hưng Yên

34.	Hạt lupin	196	1.065	Việt Nam/ Nhập khẩu
35.	Axit hữu cơ	9,6	52	Việt Nam/ Nhập khẩu
36.	Khô dầu cải đắng	613,648	3.335	Việt Nam/ Nhập khẩu
37.	Zinc Oxide (Zn 78%)	40,54	220	Việt Nam/ Nhập khẩu
38.	DL-Methionine 99%	38,139	207	Việt Nam/ Nhập khẩu
39.	L-Valine 96.5	8,545	46	Việt Nam/ Nhập khẩu
40.	Một số nguyên liệu khác	10,5	57	Việt Nam/ Nhập khẩu
41.	Túi lọc bụi	0,2	0,5	Việt Nam
42.	Dầu DO	180	600	Việt Nam

b. Nhu cầu về sử dụng điện của dự án: Điện được sử dụng cho hoạt động của máy móc thiết bị tham gia quá trình sản xuất, hoạt động chiếu sáng, hoạt động văn phòng, sinh hoạt của cán bộ công nhân như: quạt mát, điều hòa... với tổng lượng điện sử dụng lớn nhất vào khoảng 2.000.000 Kwh/năm.

- Nguồn cấp điện cho dự án là điện lực Hưng Yên.

c. Nhu cầu về sử dụng nước:

*** Nguồn nước sử dụng cho dự án:** Nước sử dụng cho dự án được lấy từ 02 nguồn cung cấp, cụ thể:

- Nguồn nước mua trên thị trường: Nước bình phục vụ cho nước uống. Lượng sử dụng lớn nhất 0,3m³/ngày.

- Nguồn nước cấp cho hoạt động sản xuất sinh hoạt: nước sạch do chủ đầu tư hạ tầng KCN Phố Nối A cấp.

*** Nước sử dụng cho sinh hoạt của cán bộ công nhân viên Công ty:** Số lượng cán bộ công nhân viên của dự án khi đạt công suất tối đa 120 người (bao gồm cả công nhân thời vụ). Tại dự án có thực hiện nấu ăn. Lượng nước cấp cho quá trình sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại công ty theo TCVN 13606:2023 về cấp nước - mạng lưới đường ống và công trình yêu cầu thiết kế: tiêu chuẩn dùng nước 25l/người/ca, hệ số không điều hòa giờ là 3, công ty làm việc 01 ca/ngày. Vậy lượng nước cấp lớn nhất cho quá trình sinh hoạt của 120 người như sau:

$$Q_{\text{Sinh hoạt}} = 120 \times 0,025 \times 3 \times 1 = 9 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

*** Nước dùng cho sản xuất:** Tại công ty nước sử dụng cho các hoạt động sau:

- Nước sử dụng cho hoạt động của lò hơi 2 tấn hơi/giờ: Tổng lượng cấp cho lò hơi lớn nhất khi đạt công suất tối đa để tạo hơi cấp cho sản xuất là 20m³/ngày.

- Nước xả đáy lò hơi: Định kỳ hàng ngày thực hiện xả đáy lò hơi, lượng xả đáy khoảng 0,2 m³/ngày. Lượng thải này khi phát sinh sẽ theo đường ống bể thu gom để giải nhiệt, lắng cặn. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến hút, thu gom đưa đi xử lý.

- Nước cấp cho vệ sinh lò hơi: Dự án thực hiện vệ sinh lò hơi 01 năm/lần hoặc theo tùy theo tần suất sử dụng lò hơi. Lượng nước vệ sinh mỗi lần 0,2 m³/lần. Vậy lượng nước vệ sinh cho lò là 0,2 m³/lần/năm (ngày vệ sinh lò hơi sẽ không xả cặn). Lượng thải này khi phát theo đường ống bể thu gom để giải nhiệt, lắng cặn trước khi đầu nối nào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN.

- Nước cấp cho công đoạn khử trùng xe ra vào nhà máy: Để đảm bảo chất lượng sản phẩm, an toàn vệ sinh; các xe khi vào nhà máy đều thực hiện khử trùng. Nước được pha dung dịch khử trùng Nước khử trùng được phun dạng sương mù lên các xe. Lượng nước rơi vãi được thu gom xuống bể ngầm dưới khu vực phun. Hàng ngày cấp nước và hoá chất khử trùng, lượng nước cấp 0,2 m³/ngày (dùng khử trùng xe lấy hàng, nhập hàng), trong đó lượng nước rơi xuống hố gom là 0,1 m³/ngày, lượng còn lại bám vào xe. Định kỳ 3-6 tháng thuê đơn vị chức năng đến hút cặn, dung dịch thải trong bể gom. Lượng thải bỏ 10m³/lần thải.

Vậy lượng nước cấp lớn nhất cho dự án là: $9 + 20 + 0,2 + 0,2 = 29,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm.

*** Nước sử dụng cho phòng cháy chữa cháy:** được dự trữ trong bể và chỉ sử dụng khi có hỏa hoạn;

*** Nhu cầu sử dụng điện, nước của dự án được tổng hợp như bảng sau:**

Bảng 1.3: Dự báo nhu cầu sử dụng điện và nước của dự án (tính cho ngày sử dụng lớn nhất khi thay thế các bể nước làm mát)

STT	Tên loại	Đơn vị tính	Số lượng tính cho ngày sử dụng lớn nhất
1	Điện	Kwh/năm	2.000.000
2	Nước	m ³ /ngày	38,4
2.1	Nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt	m ³ /ngày	9

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
“Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm” của Công ty TNHH Sunjin Vina-cn
Hưng Yên

2.2	Nước cấp cho sản xuất	m ³ /ngày	29,4
2.4	Nước sử dụng cho phòng cháy chữa cháy: Dự trữ trong bể chứa, sử dụng khi có hỏa hoạn		

1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:

1.5.1. Máy móc thiết bị.

Tại dự án, chủ dự án đã đầu tư máy móc thiết bị của dự án theo Bảng sau:

TT	Máy móc, thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Năm sản xuất	Tình trạng	Đặc tính/ Mục đích sử dụng	Nguồn gốc
1	Hệ thống silo chứa nguyên liệu	Cái	8	2013-2023	Bảo dưỡng định kỳ; hoạt động tốt	Chứa nguyên nguyên liệu	Trung Quốc
2	Hệ thống nạp liệu dạng bột	Hệ thống	01	2013	Bảo dưỡng định kỳ; hoạt động tốt	Nạp nguyên liệu dạng bột lên silo chứa	Trung Quốc
3	Hệ thống nạp liệu dạng thô	Hệ thống	01	2013	Bảo dưỡng định kỳ; hoạt động tốt	Nạp nguyên liệu dạng thô, dạng hạt lên thiết bị chứa	Trung Quốc
4	Máy nghiền mịn	Máy	02	2012	Bảo dưỡng định kỳ; hoạt động tốt	Nghiền mịn nguyên liệu	Trung Quốc
5	Hệ thống máy nghiền ngô, khô đậu, mạch	Hệ thống	01	2016	Bảo dưỡng định kỳ; hoạt động tốt	Nghiền mịn nguyên liệu	Trung Quốc
6	Hệ thống trộn nguyên liệu	Hệ thống	01	2013	Bảo dưỡng định kỳ; hoạt động tốt	Phối trộn nguyên liệu	Trung Quốc
7	Hệ thống cấp liệu	Hệ thống	01	2013	Bảo dưỡng định kỳ; hoạt động tốt	Cấp nhiên liệu vào bồn trộn	Trung Quốc
8	Cân điện tử 80 tấn	Cái	01	2006	Bảo dưỡng định kỳ; hoạt động tốt	Cân định lượng nguyên liệu, sản phẩm	Trung Quốc
9	Máy ép viên 1 công suất 20 tấn/h	Cái	01	2006	Bảo dưỡng định kỳ; hoạt động tốt	Ép tạo viên sản phẩm	Trung Quốc
10	Máy ép viên 1 công suất 15 tấn/h	Cái	01	2013	Bảo dưỡng định kỳ; hoạt động tốt	Ép tạo viên sản phẩm	Trung Quốc

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
“Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm” của Công ty TNHH Sunjin Vina-cn
Hưng Yên’

11	Máy nén khí	Cái	01	2006	Bảo dưỡng định kỳ; hoạt động tốt	Phục vụ sản xuất	Trung Quốc
12	Máy nén khí	Cái	01	2016	Bảo dưỡng định kỳ; hoạt động tốt		Trung Quốc
13	Bình chứa chất lỏng	Cái	03	2006	Bảo dưỡng định kỳ; hoạt động tốt	Chứa nguyên liệu dạng lỏng	Trung Quốc
14	Xe nâng	Cái	03	2006-2018	Bảo dưỡng định kỳ; hoạt động tốt	Bốc dỡ nguyên liệu sản phẩm	Trung Quốc
15	Hệ thống sấy lạnh	Cái	01	2013	Bảo dưỡng định kỳ; hoạt động tốt	Làm nguội viên cám sau ép	Trung Quốc
16	Máy sàng	Máy	02	2013	Bảo dưỡng định kỳ; hoạt động tốt	Sàng phân loại sản phẩm	Trung Quốc
17	Hệ thống xích tải và vít tải chuyển liệu	Hệ thống	01	2013	Bảo dưỡng định kỳ; hoạt động tốt	Vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm	Trung Quốc
18	Hệ thống cân đóng bao	Hệ thống	01	2013	Bảo dưỡng định kỳ; hoạt động tốt	Cân và đóng bao sản phẩm	Trung Quốc
19	Máy đập mảnh	Cái	01	2013	Bảo dưỡng định kỳ; hoạt động tốt	Đập mảnh viên cám sau ép tạt sản phẩm cám dạng mảnh	Trung Quốc
20	Lò hơi	Cái	01	2016	Bảo dưỡng định kỳ; hoạt động tốt	Lò hơi 05 tấn/giờ; dùng nhiên liệu dầu DO, cung cấp hơi cho công đoạn ép viên	Việt Nam
21	Hệ thống thu gom, xử lý bụi	Hệ thống	11	2013-2023	Bảo dưỡng định kỳ; hoạt động tốt	Thu gom xử lý bụi phát sinh	Việt Nam
22	Máy khâu bao	Cái	01	2006	Bảo dưỡng định kỳ; hoạt động tốt	Đóng gói	Việt Nam

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
“Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm” của Công ty TNHH Sunjin Vina-cn
Hưng Yên’

23	Máy khâu bao DS-6AC	Cái	01	2014	Bảo dưỡng định kỳ; hoạt động tốt	Đóng gói	Việt Nam
24	Hệ thống thiết bị phòng thí nghiệm (đo độ ẩm, phân tích hồng ngoại, đo độ bền...)	Hệ thống	01	2013-2016	Bảo dưỡng định kỳ; hoạt động tốt	Thí nghiệm kiểm tra nguyên liệu, sản phẩm	Việt Nam
25	Máy phát điện dự phòng	Cái	01	2013	Bảo dưỡng định kỳ; hoạt động tốt	Dự phòng khi mất điện lưới	Việt Nam
26	Hệ thống bin chứa nguyên liệu trước nghiền	Bin	07	2013-2016	Bảo dưỡng định kỳ; hoạt động tốt	Chứa nguyên liệu trước khi vào máy nghiền	Việt Nam
	Hệ thống bin chứa nguyên liệu trước trộn	Bin	20	2013-2016	Bảo dưỡng định kỳ; hoạt động tốt	Chứa nguyên liệu mịn trước khi trộn	Việt Nam
	Bin chứa trước ép viên	Bin	04	2013-2016	Bảo dưỡng định kỳ; hoạt động tốt	Chứa hỗn hợp sau trộn, trước khi ép	Việt Nam
	Bin chứa thành phẩm trước khi đóng bao	Bin	08	2013-2016	Bảo dưỡng định kỳ; hoạt động tốt	Chứa thành phẩm để ra bao	Việt Nam
	Hệ thống thiết bị phụ trợ khác	Hệ thống	01	2006-2023	Bảo dưỡng định kỳ; hoạt động tốt	Phục vụ cho hoạt động sản xuất	Việt Nam/ Trung Quốc

1.5.2. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án: Khi đi vào hoạt động tối đa công suất, công ty sẽ tuyển dụng lao động, với nhu cầu như sau:

- Số lượng lao động tối đa: 120 người
- Chế độ làm việc 02 ca/ngày, mỗi ca 08 tiếng. Tuy nhiên, chế độ làm việc giữa các bộ phận có sự khác biệt nhằm đảm bảo tính hiệu quả trong quá trình hoạt động sản xuất. Nhân viên quản lý sẽ làm việc theo giờ hành chính do đơn vị quy định. Đối với lao động làm việc tại xưởng công ty sẽ xây dựng chế độ làm việc theo ca.
- Số ngày hoạt động trong năm: 300 ngày

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

* Ngày 08/7/2024, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 611/QĐ-TTg, theo đó:

- Mục tiêu tổng quát: Chủ động phòng ngừa, kiểm soát được ô nhiễm và suy thoái môi trường; phục hồi và cải thiện được chất lượng môi trường; ngăn chặn suy giảm và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học, nhằm bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành của Nhân dân trên cơ sở sắp xếp, định hướng phân bố hợp lý không gian, phân vùng quản lý chất lượng môi trường; định hướng thiết lập các khu bảo vệ, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; hình thành các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh; định hướng xây dựng mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường cấp quốc gia và cấp tỉnh; phát triển kinh tế - xã hội bền vững theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp, hài hòa với tự nhiên và thân thiện với môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Đối với phân vùng môi trường: Định hướng phân vùng môi trường thống nhất trên phạm vi toàn quốc theo tiêu chí yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm, nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến sự sống và phát triển bình thường của con người và sinh vật.

+ Đối với bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: Định hướng bảo tồn giá trị tự nhiên và đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên nhằm phục hồi và duy trì các hệ sinh thái tự nhiên, ngăn chặn xu hướng suy giảm đa dạng sinh học trên cơ sở củng cố, mở rộng, thành lập mới và quản lý hiệu quả các khu bảo tồn thiên nhiên, hành lang đa dạng sinh học, khu vực đa dạng sinh học cao, cảnh quan thiên nhiên quan trọng, vùng đất ngập nước quan trọng và cơ sở bảo tồn để lưu giữ, bảo tồn và phát triển nguồn gen đặc hữu, nguy cấp, quý, hiếm, mẫu giống cây trồng và vật nuôi.

+ Đối với khu xử lý chất thải tập trung: Định hướng hình thành đồng bộ hệ thống khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh có quy mô công suất và công nghệ xử lý phù hợp, đáp ứng yêu cầu tiếp nhận, xử lý được toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trên phạm vi cả nước, hạn chế tối đa lượng chất thải rắn chôn lấp trực tiếp, thực hiện phân loại chất thải tại nguồn, thúc đẩy hoạt động tái chế, tái sử dụng chất thải. Đồng thời, xây dựng được cơ chế, chính sách thuận lợi để đẩy mạnh xã hội hóa và thu hút đầu tư từ khu vực tư nhân, nước ngoài vào hoạt động xử lý chất thải.

+ Đối với mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường: Định hướng thiết lập mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường cấp quốc gia, cấp tỉnh thống nhất và đồng bộ, hiện đại, có tính liên kết trên phạm vi cả nước để chủ động theo dõi hiện trạng và bước đầu xây dựng năng lực dự báo diễn biến chất lượng môi trường, cảnh báo ô nhiễm môi trường; bảo đảm cung cấp thông tin kịp thời phục vụ công tác quản lý nhà nước về môi trường.

- Tầm nhìn đến năm 2050: Môi trường Việt Nam có chất lượng tốt, bảo đảm môi trường sống trong lành cho Nhân dân; bảo tồn hiệu quả đa dạng sinh học và duy trì được cân bằng sinh thái; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; xã hội phát triển hài hoà với thiên nhiên, đất nước phát triển bền vững theo hướng chuyển đổi xanh dựa trên phát triển nền kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế các-bon thấp nhằm hướng tới đưa phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050; bảo đảm an ninh môi trường gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

- Nhiệm vụ về bảo vệ môi trường đặt ra:

- + Giảm thiểu tác động đến môi trường từ hoạt động phát triển kinh tế - xã hội
- + Quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại
- + Quản lý, cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường
- + Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học
- + Thúc đẩy các mô hình tăng trưởng bền vững; trong đó thực hiện “Phát triển công nghiệp theo hướng thân thiện với môi trường; thực hiện xanh hóa các ngành sản xuất công nghiệp và thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp sinh thái.

- Dự án Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm được thực hiện tại Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Dự án nằm trong KCN đã được quy hoạch để phát triển công nghiệp; không nằm trong vùng cần bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; không nằm trong các vùng nhạy cảm, vùng cần bảo vệ nghiêm ngặt... Ngoài ra, quá trình hoạt động, chủ dự án đã kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải, không thải chất thải chưa qua xử lý ra môi trường; chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong phạm vi dự án được thu gom, lưu giữ tạm thời và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

Như vậy, dự án phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

* Theo Quyết định số 450/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 13/4/2022 về việc Phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thì tầm nhìn và mục tiêu cụ thể như sau:

- Về tầm nhìn đến năm 2050: Môi trường Việt Nam có chất lượng tốt, bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành và an toàn của nhân dân; đa dạng sinh học được gìn giữ, bảo tồn, bảo đảm cân bằng sinh thái; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; xã hội hài hòa với thiên nhiên, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, các-bon thấp được hình thành và phát triển, hướng tới mục tiêu trung hòa các-bon vào năm 2050.

- Về mục tiêu đến năm 2030: Ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường; giải quyết các vấn đề môi trường cấp bách; từng bước cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường; ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học; góp phần nâng cao năng lực chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh môi trường, xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, các-bon thấp, phấn đấu đạt được các mục tiêu phát triển bền vững 2030 của đất nước.

* Thủ tướng chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2024, theo đó:

- Mục tiêu đến năm 2030: Hưng Yên phát triển nhanh, bền vững, trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, có quy mô kinh tế và trình độ phát triển trong nhóm dẫn đầu cả nước; theo hướng trở thành một đô thị thông minh, xanh, môi trường sống tốt; hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, từng bước hiện đại; công nghiệp thuộc

nhóm phát triển mạnh của cả nước; phát triển bền vững theo xu hướng chuyển đổi xanh dựa trên phát triển nền kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế cacbon thấp; xã hội phát triển hài hòa với thiên nhiên; bản sắc văn hóa được bảo tồn và phát huy; đời sống nhân dân được nâng cao; quốc phòng và an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo.

- Tầm nhìn đến năm 2050: Hưng Yên trở thành thành phố trực thuộc Trung ương; thành phố thông minh; thành phố giàu đẹp, văn minh, văn hiến hiện đại, giàu bản sắc văn hóa, phát huy đầy đủ những giá trị cốt lõi của văn hóa Phố Hiến xưa; là nơi đáng sống của vùng Đồng bằng châu thổ sông Hồng; là trung tâm kết nối giữa các địa phương trong vùng, giao thương với các nước Đông Bắc Á đặt trong môi liên kết đa ngành, các tỉnh thuộc vùng Thủ Đô.

- Đối với công nghiệp, tập trung phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo với các nhóm ngành, sản phẩm công nghiệp hiện đại, chuyên môn hóa cao tại các công đoạn có giá trị gia tăng cao. Các ngành công nghiệp ưu tiên bao gồm: Công nghiệp công nghệ cao gắn với công nghệ số (sản xuất các sản phẩm điện tử, viễn thông, thiết bị di động, máy vi tính và linh kiện; thiết kế sản xuất chất bán dẫn, pin, bộ tích điện; sản phẩm quang học; công nghệ phần mềm, rô bốt, thiết bị tích hợp....); công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm chất lượng cao; sản xuất các thiết bị y tế, hóa dược, công nghệ sinh học, dược phẩm; sản xuất thiết bị điện, năng lượng; Công nghiệp sản xuất cơ khí – chế tạo (sản xuất, lắp ráp ô tô, phương tiện vận tải, máy móc, phụ tùng, linh kiện...); công nghiệp dệt may; công nghiệp vật liệu, nhất là vật liệu mới.....

Ngoài ra, quy hoạch xác định mục tiêu ưu tiên phát triển các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đặc biệt là các khu có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đảm bảo cho phát triển bền vững.

* Dự án Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm được thực hiện tại Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên; với đặc thù sản xuất là sản xuất thức ăn chăn nuôi. Quá trình hoạt động, chủ dự án cam kết cam kết kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải, không thải chất thải chưa qua xử lý ra môi trường; cam kết xử lý nước thải đảm bảo tiêu chuẩn của KCN và đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN; chất thải rắn phát sinh trong phạm vi dự án được thu gom, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

Như vậy, dự án phù hợp Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050 và chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia.

Ngoài ra, được thực hiện tại Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên có quy hoạch rõ ràng, không chồng lấn, ảnh hưởng tới các dự án xung quanh.

*** Về quy hoạch sử dụng đất:** Dự án nằm trong KCN Phố Nối A, vị trí thực hiện dự án phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của UBND huyện Văn Lâm đã được UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt tại Quyết định số 411/QĐ-UBND ngày 30/01/2022.

*** Quy hoạch ngành nghề của KCN:**

Đến thời điểm hiện tại, chủ đầu tư hạ tầng KCN đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng KCN như hệ thống đường giao thông nội bộ KCN, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống xử lý nước thải tập trung, hệ thống cấp điện, hệ thống PCCC, trồng cây xanh, nhà máy cấp nước sạch đảm bảo nhu cầu cấp nước của các dự án trong KCN.

Theo quy hoạch và phân khu chức năng, quy hoạch ngành nghề tiếp nhận đầu tư vào KCN bao gồm: Xử lý hạt giống để nhân giống; Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Chế biến và bảo quản rau quả; Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật; Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; Xay xát và sản xuất bột (không bao gồm sản xuất bột sắn, miến dong); Sản xuất thực phẩm khác (không bao gồm sản xuất đường); Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không tiếp nhận mới kể từ ngày 26/8/2022); Sản xuất đồ uống; Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan (không bao gồm thuộc, sơ chế da và nhuộm da lông thú); Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (không bao gồm sản xuất bột giấy); Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu; Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu; Sản xuất khí công nghiệp; Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít; Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh; Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; Sản xuất sản phẩm

từ khoáng phi kim loại khác (không bao gồm xi măng, clinker); Sản xuất kim loại; Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị); Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; Sản xuất thiết bị điện; Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu; Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác; Đóng tàu và thuyền; Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải chưa được phân vào đâu; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Công nghiệp chế biến, chế tạo khác; Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Thu gom rác thải không độc hại; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải; Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở. Với đặc thù của dự án là Sản xuất thức ăn chăn nuôi hoàn toàn phù hợp với quy hoạch ngành nghề của KCN Phố Nối A.

Vị trí thực hiện Dự án nằm trong KCN tiếp giáp quốc lộ 5A nối thủ đô Hà Nội với thành phố cảng Hải Phòng, nằm gần tỉnh lộ 206 rất thuận lợi trong giao thông vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm. Mặt khác, Hưng Yên là một tỉnh thuộc trung tâm đồng bằng Bắc Bộ, là điểm sáng về thu hút đầu tư trong và ngoài nước, ngoài hệ thống giao thông thuận lợi, còn có lực lượng lao động dồi dào, vì vậy KCN Phố Nối A là vị trí thuận lợi để thực hiện Dự án.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Dự án Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm được thực hiện tại Khu công nghiệp Phố Nối A, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên với đặc thù là sản xuất thức ăn chăn nuôi. Trong quá trình hoạt động của dự án phát sinh bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn.

Nguồn tiếp nhận trực tiếp bụi và khí thải, nước thải của dự án là môi trường không khí khu vực KCN Phố Nối A và hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Phố Nối A.

* Hiện trạng môi trường KCN:

- Môi trường không khí KCN: Từ thực tế hoạt động của KCN, qua khảo sát cho thấy: môi trường không khí KCN không có dấu hiệu ô nhiễm; đảm bảo điều kiện hoạt động cho doanh nghiệp; đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động.

- Về nước thải của KCN: Theo kết quả quan trắc định kỳ và kết quả quan trắc nước thải tự động thì các thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý luôn nằm trong tiêu chuẩn cho phép trước khi xả thải ra môi trường. Theo Giấy phép môi trường

được cấp, Chủ đầu tư hạ tầng KCN không phải thực hiện quan trắc môi trường nước mặt, môi trường không khí xung quanh, môi trường đất.

(Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường trong các KCN năm 2024 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Hưng Yên)

* Hiện trạng hoạt động của KCN Phố Nối A: Tính đến hết tháng 3 năm 2025, KCN Phố Nối A đã tiếp nhận 227 dự án, trong đó có 202 dự án đang hoạt động sản xuất kinh doanh; 03 dự án ngừng hoạt động; các dự án còn lại đang trong quá trình triển khai, xây dựng chưa đi vào hoạt động.

- Hiện tại, Chủ đầu tư hạ tầng KCN đã xây dựng hoàn thiện và đang vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN có tổng công suất 9.000m³/ngày đêm để xử lý đạt QCDP 02:2019/HY - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp ($K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$; $K_{hy} = 0,85$) trước khi xả thải ra môi trường. KCN đã lắp đặt 01 hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đối với các thông số: nhiệt độ, pH, COD, TSS, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho, Tổng dầu mỡ khoáng, lưu lượng; Dữ liệu đã được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên để theo dõi, giám sát. Theo số liệu chủ đầu tư hạ tầng KCN Phố Nối A (Báo cáo công tác bảo vệ môi trường KCN Phố Nối A), trong năm 2024 lượng nước thải thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Phố Nối A trung bình vào khoảng 4.900 m³/ngày..

- Khi dự án đi vào hoạt động ổn định, dự án không phát sinh nước thải sản xuất; chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh lớn nhất của dự án đạt 9 m³/ngày. Như vậy, hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN đảm bảo khả năng thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của dự án đạt QCDP 02:2019/HY ($K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$; $K_{hy} = 0,85$) - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp.

* Công tác bảo vệ môi trường của dự án:

- Môi trường không khí: Dự án đặc thù là hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi. Quá trình hoạt động phát sinh bụi, khí thải cần phải đầu tư công trình xử lý. Chủ dự án đã đầu tư 10 hệ thống thu gom xử lý bụi và khí thải để thu gom, xử lý bụi và khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất đảm bảo đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường; đã đầu tư 01 hệ thống thoát khí lò hơi; ngoài ra chủ dự án áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung, có các biện pháp cải thiện môi trường đảm bảo môi trường làm việc cho công nhân.

Chủ dự án cam kết hệ thống thu gom, xử lý bụi khí thải đã lắp đặt và sẽ lắp đặt đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định trước khi xả thải ra môi trường hoặc ra môi trường nhà xưởng. Bên cạnh đó, chủ dự án trang bị các hệ thống thông thoáng nhà xưởng cho từng nhà xưởng tạo môi trường làm việc cho công nhân. Chủ dự án cam kết các công trình, các biện pháp bảo vệ môi trường dự án đã và sẽ thực hiện đạt hiệu quả, đảm bảo môi trường lao động trong các khu vực sản xuất dự án đạt quy chuẩn QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT đảm bảo không ảnh hưởng đến sức khỏe cán bộ công nhân viên làm việc tại cơ sở cũng như môi trường xung quanh khu vực dự án.

- Đối với môi trường nước: Vấn đề bảo vệ Môi trường trong KCN được yêu cầu cao, toàn bộ nước thải phát sinh của từng dự án trong KCN đều phải xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn của KCN trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN. Nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án được xử lý sơ bộ sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Phố Nối A. Vì vậy hoạt động của dự án không ảnh hưởng đến khả năng chịu tải của môi trường.

- Đối với chất thải thông thường, nguy hại: Toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh được phân loại; thu gom; lưu giữ tạm thời và thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đưa đi xử lý theo quy định.

* Môi trường khu vực thực hiện dự án chưa có dấu hiệu ô nhiễm do các hoạt động công nghiệp; Chủ dự án cam kết kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải nên môi trường khu vực thực hiện dự án, đảm bảo khả năng chịu tải trong quá trình hoạt động của dự án.

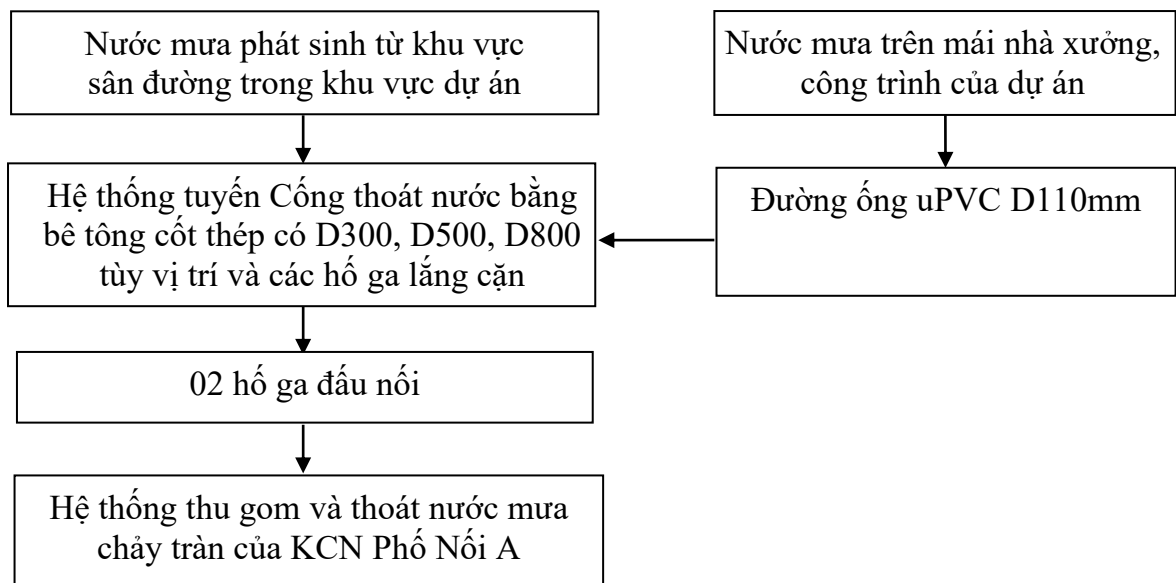
Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Các công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

* Nước mưa cuốn theo đất đá, các chất trên đường đi của nó gây tắc nghẽn dòng chảy, dẫn đến ngập úng. Để giảm thiểu tác động, chủ dự án đã xây dựng hoàn thiện hệ thống thu gom, thoát nước mưa cho toàn bộ khu đất theo sơ đồ như sau:



Hình 3.1. Sơ đồ phương án thu gom và thoát nước mưa chảy tràn của dự án

* Hệ thống thoát nước mưa:

- Tại dự án chủ dự án đã xây dựng Hệ thống thoát nước mặt tách riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải.

- Thoát nước mái nhà: Nước mái nhà xưởng, văn phòng, các công trình theo đường ống nhựa uPVC có D140 chảy vào hệ thống thoát nước mặt của dự án xung quanh khu đất và xung quanh các công trình.

- Hệ thống thoát nước mặt của dự án đã được xây dựng chủ yếu bằng bê tông cốt thép xung quanh các công trình, khu đất thực hiện dự án với kích thước D300, D500 hoặc D800 tùy từng vị trí để đảm bảo khả năng tiêu thoát nước.

* Điểm thoát nước mưa: Trên hệ thống cống thu gom thoát nước mưa có song chắn rác và hố ga để lắng cặn, bụi, chất rắn trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom

thoát nước mưa chảy tràn của KCN Phố Nối A qua 02 điểm đầu nối. Vị trí các điểm đầu nối cụ thể như sau:

Điểm đầu nối	Vị trí đầu nối	Toạ độ theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiều 3 ⁰	
		X (m)	Y (m)
Điểm đầu nối nước mưa số 01	Trên đường D4, cạnh hàng rào công ty	2317781	555097
Điểm đầu nối nước mưa số 02	Trên đường D4, cạnh hàng rào công ty về phía sông Bún	2317890	555128

- Nước mưa chảy tràn được đầu nối vào hệ thống thu gom và thoát nước mưa chảy tràn của KCN theo phương thức tự chảy.

* Trong quá trình hoạt động của dự án, Công ty hạn chế tới mức thấp nhất chất thải rắn, bụi đất trên sân, đường và các khu vực khác rơi vãi vào hệ thống thoát nước mặt. Sân, kho bãi được vệ sinh hàng ngày để giảm thiểu chất thải theo nước mặt ra môi trường. Thường xuyên vệ sinh hệ thống thoát nước. Bùn, cặn tại hố ga được nạo vét định kỳ và thu gom đưa đi xử lý.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải: Dự án đang hoạt động ổn định, quá trình hoạt động phát sinh nước thải như sau.

a. Nguồn phát sinh nước thải:

**** Nguồn phát sinh nước thải:***

- *Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt:*

- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vệ sinh nhà bảo vệ.
- + Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vệ sinh nhà văn phòng.
- + Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vệ sinh xưởng sản xuất.
- + Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà bếp và nhà ăn

- *Nguồn phát sinh nước thải sản xuất:*

- + Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ hoạt động xả đáy, vệ sinh lò hơi
- Nguồn phát sinh nước thải khác
- + Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ hoạt động khử trùng xe ra vào nhà máy.

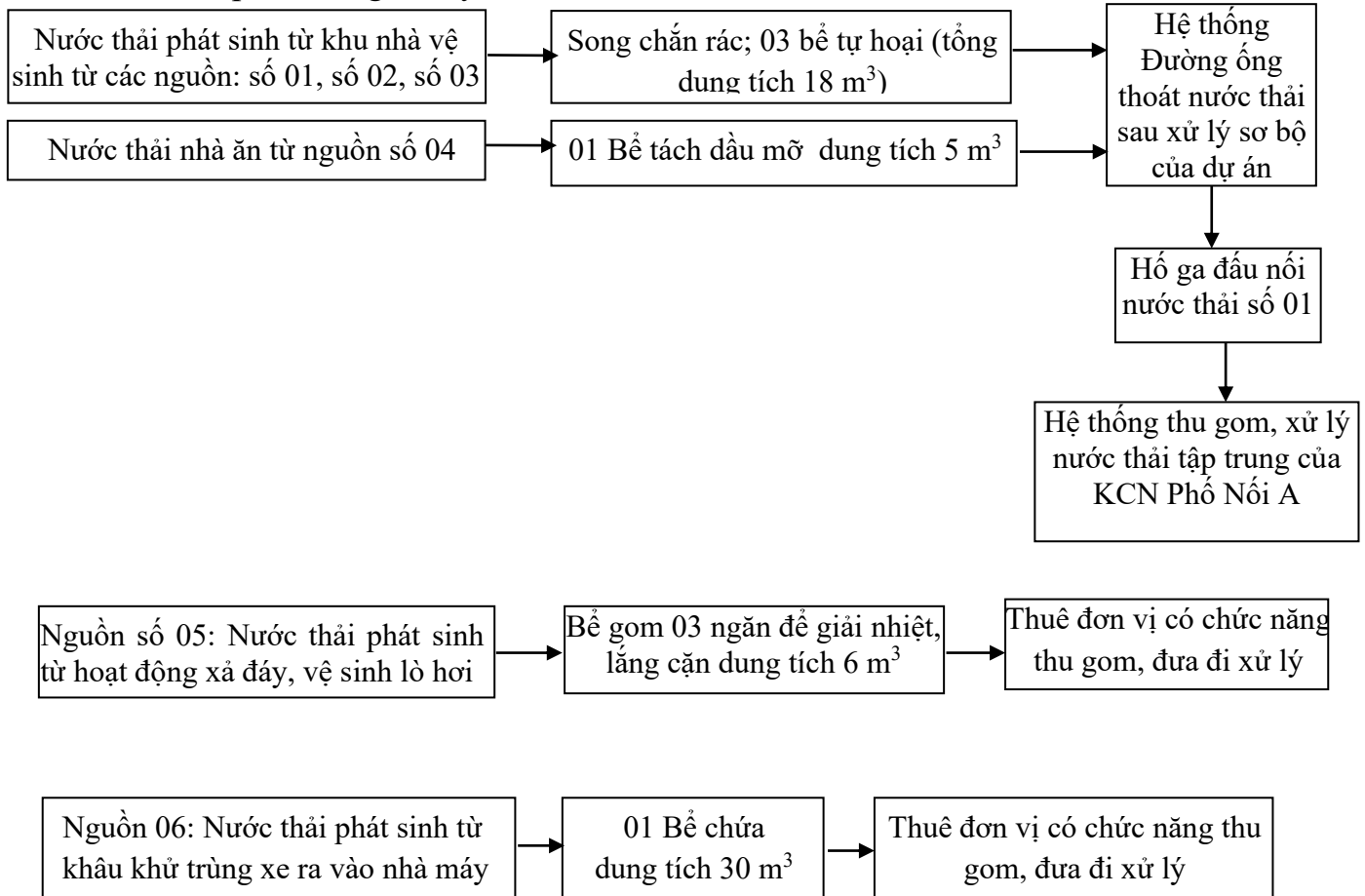
b. Lưu lượng phát sinh: Tổng lưu lượng nước thải phát sinh tối đa: 9,3 m³/ngày đêm. Trong đó:

- Lưu lượng xả nước thải sinh hoạt tối đa: 9 m³/ngày đêm
- Lưu lượng xả nước thải sản xuất tối đa: 0,2 m³/ngày đêm

- Nước thải từ hoạt động khử trùng xe ra vào nhà máy: 0,1 m³/ngày

c. Thực hiện phân dòng nước thải để thu gom, xử lý: Tại dự án, thực hiện phân dòng đối với các nguồn thải để thu gom, xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn theo quy định, cụ thể như sau:

* Việc phân dòng, xử lý đối với nước thải của dự án cụ thể như sau:



Hình 3.2. Sơ đồ phân luồng dòng thải và hướng xử lý

d. Hệ thống đường ống thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt sau theo đường ống uPVC có D100 từ các vị trí phát sinh đến bể tự hoại, bể tách dầu mỡ, song chắn rác...tùy vị trí (nước thải nhà vệ sinh đến bể tự hoại; nước thải nhà ăn qua bể tách dầu mỡ, nước rửa tay chân đi qua các song chắn rác). Tổng chiều dài 15m.

- Nước thải sản xuất: Đường ống thu gom nước thải từ nồi hơi (khi xả cặn) bằng PVC, D100 đến bể thu gom của dự án; tổng chiều dài 46m;

e. Hệ thống đường ống thoát nước thải:

- Hệ thống đường ống thoát nước thải sinh hoạt: là đường ống thoát nước thải sau xử lý sơ bộ (sau tách rác, sau bể tự hoại, sau bể tách dầu mỡ) đến hố ga đầu nối nước thải số 01 của dự án. Hệ thống đường ống thoát nước thải bằng PVC, D100 hoặc D150 tùy vị trí, với tổng chiều dài 188m.

f. Điểm xả thải (điểm đầu nối nước thải): Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Phố Nối A qua 01 điểm đầu nối. Nước thải theo đường ống thu gom của KCN dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN để xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả theo quy định..

- Vị trí điểm đầu nối nước thải sinh hoạt của dự án: trên đường D4

- Vị trí tọa độ điểm xả thải theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3° như sau: X(m): 2317781; Y(m): 555093

- Phương thức xả thải: Bơm cưỡng bức.

- Chế độ xả thải: theo hoạt động sản xuất của dự án.

g. Xử lý nước thải: Để giảm thiểu tác động của nước thải phát sinh, chủ dự án đã xây dựng dựng 03 bể tự hoại, 01 bể tách dầu mỡ, 01 bể chứa nước thải từ hoạt động xả đáy hơi và 01 bể gom nước thải từ khâu khử trùng xe ra vào dự án.

* **Bể tách dầu mỡ:** với chức năng tách dầu mỡ trong nước thải nhà ăn.

- Số lượng bể: 01 bể được xây dựng tại khu nhà ăn và nhà bếp

- Thông số kỹ thuật: Bể xây dựng bằng bê tông cốt thép, thể tích 5 m^3 .

* **Bể tự hoại:** với chức năng xử lý sơ bộ nước thải khu vực nhà vệ sinh.

- Số lượng: Chủ dự án đã xây dựng 03 bể tự hoại bằng bê tông cốt thép, gồm:

+ 01 bể tự hoại khu vực nhà văn phòng, dung tích chứa của bể là 5 m^3 ;

+ 01 bể tự hoại khu vực nhà bảo vệ, dung tích chứa của bể là 3 m^3 ;

+ 01 bể tự hoại khu vực nhà xưởng, dung tích chứa an toàn của bể là 10 m^3 ;

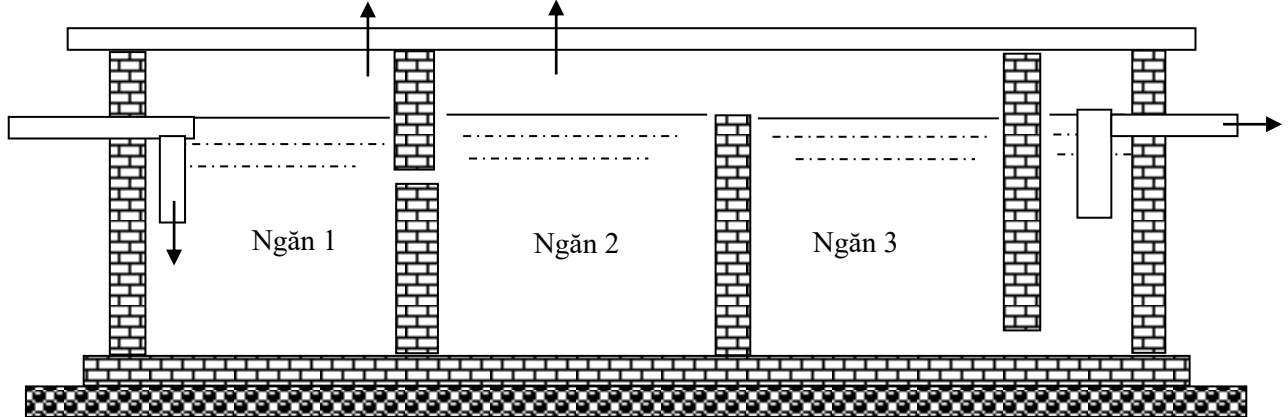
- Với tổng dung tích chứa an toàn của các bể tự hoại là 18 m^3 , đảm bảo việc xử lý sơ bộ nước thải từ các nhà vệ sinh với lượng phát sinh bằng khoảng $1/3$ tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh của dự án, tương đương khoảng $8-9 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại

+ Giai đoạn 1: Ngăn 1 (Điều hòa, lắng, phân hủy sinh học): Đầu tiên nước thải vào ngăn 1 để thực hiện điều hòa nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải, lắng cặn xuống đáy ngăn đồng thời dưới tác động của vi sinh vật yếm khí, quá trình phân hủy được diễn ra, nồng độ các chất ô nhiễm: BOD, COD, N, P... được giảm đi đáng kể.

+ Giai đoạn 2: Ngăn 2 (Lắng, phân hủy sinh học): Nước thải từ ngăn 1 được chuyển qua ngăn 2. Tại đây các chất cặn được lắng xuống, chất ô nhiễm tiếp tục được hệ vi sinh vật yếm khí phân hủy tiếp. Tiếp theo nước thải được chuyển sang ngăn 3.

+ Giai đoạn 3: Ngăn 3 (Lắng): Nước thải chuyển sang ngăn 3 để lắng cặn bẩn. Tại đây các cặn bẩn còn lại trong nước thải được lắng xuống đáy bể, nước trong được thoát ra ngoài theo đường ống thoát nước thải.



Hình 3.3. Hình ảnh bể tự hoại xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt

* **Bể thu gom nước thải từ quá trình xả cặn lò hơi:** Bể thu gom có tác dụng thu gom nước thải, giải nhiệt nước thải tự nhiên, lắng cặn. Nước sau lắng cặn, giải nhiệt theo đường ống đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Phố Nối A tại điểm đầu nối số 02

- Số lượng bể: 01 bể
- Vị trí xây dựng: cạnh nhà xưởng
- Thông số kỹ thuật: Bể xây dựng bằng bê tông cốt thép, thể tích 6 m³.

* **Bể thu gom nước thải từ quá trình khử khuẩn xe ra vào nhà máy:** Bể thu gom có tác dụng thu gom nước dư sau khi phun khử khuẩn xe ra vào. Bể có tác dụng thu gom, lắng cặn nước thải. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, đưa đi xử lý.

- Số lượng bể: 01 bể
- Vị trí xây dựng: gần cổng ra vào
- Thông số kỹ thuật: Bể xây dựng bằng bê tông cốt thép, thể tích 30 m³.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Nguồn phát sinh và các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường không khí như sau:

Tại dự án quá trình hoạt động phát sinh bụi, khí thải cần phải áp dụng các biện pháp xử lý, giảm thiểu tác động tới môi trường và sức khỏe công nhân lao động. Chủ dự án đã thực hiện các biện pháp xử lý hoặc giảm thiểu tác động đối với từng nguồn phát sinh khí thải, cụ thể như sau:

TT	Nguồn phát sinh	Biện pháp thu gom, xử lý
I	Đầu tư, lắp đặt các công trình xử lý bụi, khí thải	
1.1	Bụi phát sinh từ khâu nạp nguyên liệu dạng thô	Đã đầu tư lắp đặt 01 Hệ thống thu gom xử lý bụi phát sinh. Bụi thu gom được tái sử dụng làm nguyên liệu đầu vào cho quy trình sản xuất. Khí thải sau xử lý xả ra môi trường bên ngoài nhà xưởng
1.2	Bụi phát sinh từ khâu nạp nguyên liệu tại cửa nạp silo	Đã đầu tư lắp đặt 01 Hệ thống thu gom xử lý bụi phát sinh. Bụi thu gom được tái sử dụng làm nguyên liệu đầu vào cho quy trình sản xuất. Khí thải sau xử lý xả ra môi trường bên ngoài nhà xưởng
1.3	Bụi phát sinh từ bin chứa nguyên liệu sau nghiền (dosing bin)	Đã đầu tư lắp đặt 02 Hệ thống thu gom xử lý bụi phát sinh. Bụi thu gom được tái sử dụng làm nguyên liệu đầu vào cho quy trình sản xuất. Khí thải sau xử lý xả ra môi trường bên ngoài nhà xưởng
1.4	Bụi phát sinh từ công đoạn nghiền nguyên liệu	Đã đầu tư lắp đặt 03 Hệ thống thu gom xử lý bụi phát sinh. Bụi thu gom được tái sử dụng làm nguyên liệu đầu vào cho quy trình sản xuất. Khí thải sau xử lý xả ra môi trường nhà xưởng.
1.5	Bụi phát sinh từ công đoạn cân thuốc (đổ phụ gia)	Đã đầu tư lắp đặt 01 Hệ thống thu gom xử lý bụi phát sinh. Bụi thu gom được tái sử dụng làm nguyên liệu đầu vào cho quy trình sản xuất. Khí thải sau xử lý xả ra môi trường nhà xưởng.
1.6	Bụi phát sinh từ công đoạn đổ thuốc (đổ phụ gia)	Đã đầu tư lắp đặt 01 Hệ thống thu gom xử lý bụi phát sinh. Bụi thu gom được tái sử dụng làm nguyên liệu đầu vào cho quy trình sản xuất. Khí thải sau xử lý xả ra môi trường nhà xưởng.
1.7	Bụi phát sinh từ công đoạn làm nguội	Đã đầu tư lắp đặt 02 Hệ thống thu gom xử lý bụi phát sinh bằng Cyclon. Bụi thu gom được tái sử dụng làm nguyên liệu đầu vào cho quy trình sản xuất. Khí thải sau xử lý xả ra môi trường bên ngoài nhà xưởng.
1.8	Bụi phát sinh từ công đoạn cân định lượng và đóng bao	Đã đầu tư lắp đặt 01 Hệ thống thu gom xử lý bụi phát sinh. Bụi thu gom được tái sử dụng làm nguyên liệu đầu vào cho dự án. Khí thải sau xử lý xả ra môi trường nhà xưởng.

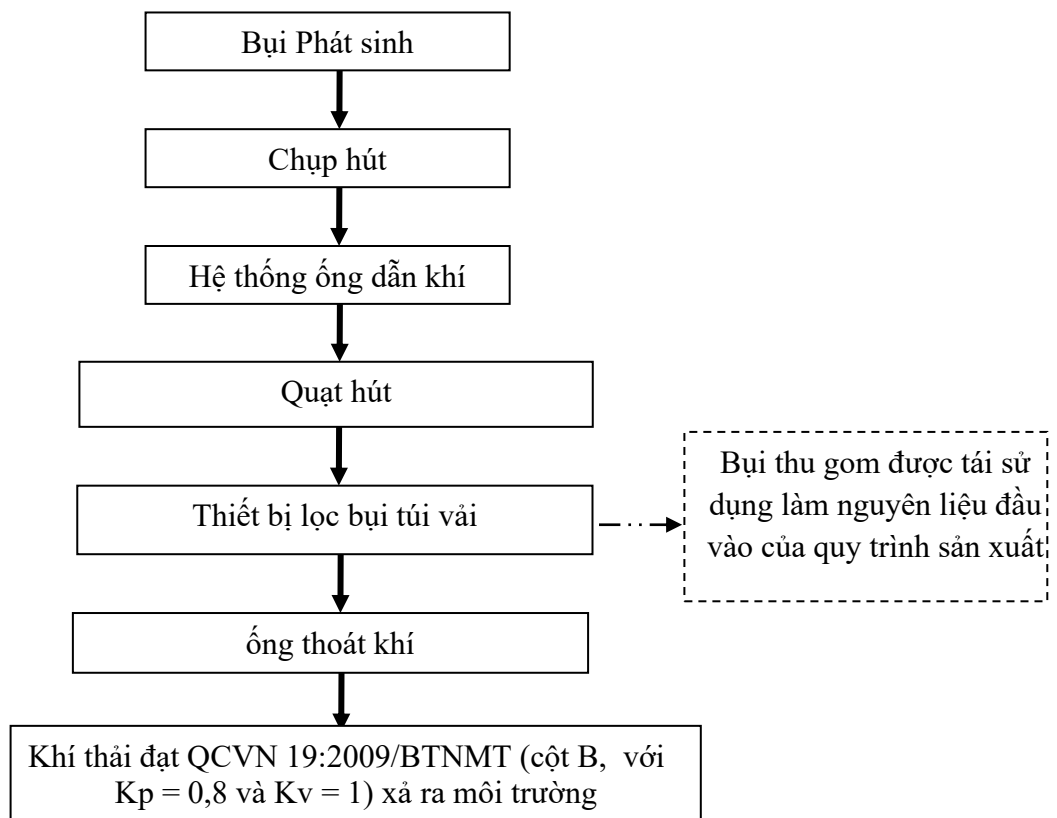
II	Áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động tới môi trường	
2.1	Bụi và khí thải phát sinh do đốt nhiên liệu cho lò hơi	Do lò hơi của dự án sử dụng nhiên liệu là dầu DO, các thông số trong khí thải luôn nằm trong quy chuẩn cho phép do đó chủ dự án đầu tư lắp đặt 01 hệ thống thoát khí lò hơi.

3.2.2. Các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải của dự án:

a. Hệ thống thu gom xử lý bụi phát sinh sử dụng thiết bị lọc bụi túi vải xả thải ra ngoài môi trường:

* Quá trình hoạt động khu vực nạp liệu Silo phát sinh bụi. Để giảm thiểu tác động của bụi và tận dụng bụi thu gom làm nguyên liệu sản xuất đầu vào. Chủ dự án đã đầu tư lắp đặt 01 Hệ thống thu gom, xử lý bụi khu vực nạp liệu silo

* Công nghệ xử lý theo sơ đồ như sau:



Hình 3.5. Công nghệ Hệ thống thu gom xử lý bụi công đoạn nạp liệu Silo

Nguyên lý hoạt động của hệ thống:

Bụi phát sinh qua chụp hút vào đường ống dẫn bụi về thiết bị lọc bụi túi vải nhờ quạt hút. Tại thiết bị lọc bụi túi vải, dòng khí thải lẫn bụi đi qua các túi vải lọc bụi, ban đầu các hạt bụi lớn hơn khe giữa các sợi vải sẽ bị giữ lại trên bề mặt ngoài của túi vải theo nguyên lý rây, các hạt bụi nhỏ hơn bám dính trên bề mặt sợi vải lọc

do va chạm, lực hấp dẫn và lực hút tĩnh điện. Dần dần, lớp bụi thu được dày lên tạo thành màng trợ lọc, lớp màng này giữ được cả các hạt bụi có kích thước rất nhỏ. Sau khoảng một thời gian, lớp bụi này dày lên làm cản trở quá trình lọc bụi và ảnh hưởng đến hiệu suất lọc của thiết bị.

Để giảm thiểu tình trạng trên, tại buồng thu bụi của hệ thống lọc bụi được lắp đặt van rũ bụi bằng khí nén để rũ bụi tự động, bụi rơi xuống buồng chứa bụi phía dưới thiết bị. Quá trình làm sạch túi lọc tại dự án thực hiện qua việc rung giữ túi lọc. Lượng bụi này được công nhân định kỳ thu gom và tái sử dụng làm nguyên liệu sản xuất. Khí sạch sau lọc bụi đảm bảo quy định, được xả thải ra ngoài môi trường qua ống thoát khí của mỗi hệ thống

** Thông số kỹ thuật của hệ thống:*

Hệ thống	Tên thiết bị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
Hệ thống thu gom, xử lý bụi từ khu vực nạp liệu Silo	Thiết bị lọc bụi	01 cái	Vật liệu: thép tấm Kích thước: $\phi 2250 \times 3000$
	Túi lọc (S)	01 bộ	Vật liệu túi lọc: Vải Polyester (sợi tổng hợp), chống ẩm, chịu nhiệt độ
	Quạt hút (S)	01 cái	Lưu lượng: $60.000 - 70.000 \text{ m}^3/\text{h}$
	Ống thoát khí	01 cái	Ống thép có đường kính 450mm, chiều cao 7 m so với mặt đất.
	Đường ống thu gom bụi	01 hệ thống	Đường ống thu gom bụi bằng ống thép mạ kẽm đường kính $\phi 600\text{mm}$

** Hiệu quả xử lý:* Việc lắp đặt các hệ thống thu gom và xử lý bụi phát sinh bằng hệ thống lọc bụi túi vải, hiệu suất gom và khử bụi đạt 99%, đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT cột B ($K_p = 0,8$; $K_v = 1$); môi trường không khí khu vực nạp liệu đảm bảo điều kiện hoạt động của công nhân.

Giới hạn nồng độ bụi đầu ra của hệ thống thể hiện qua bảng sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn nồng độ các thông số ô nhiễm theo QCVN 19:2009/BTNMT cột B ($K_p = 0,8$, $K_v = 1$)
1	Lưu lượng	$\text{m}^3/\text{giờ}$	-
2	Bụi tổng	mg/Nm^3	160

** Điểm xả thải:* Bụi được xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi xả thải ra ngoài môi trường qua điểm xả là miệng ống thoát khí của mỗi hệ thống.

- Vị trí và tọa độ điểm xả thải:

+ Vị trí xả thải: Miệng ống thoát khí, thuộc khu vực xã Nguyễn Văn Linh Huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

+ Tọa độ điểm xả thải theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105⁰30’, múi chiều 3⁰:

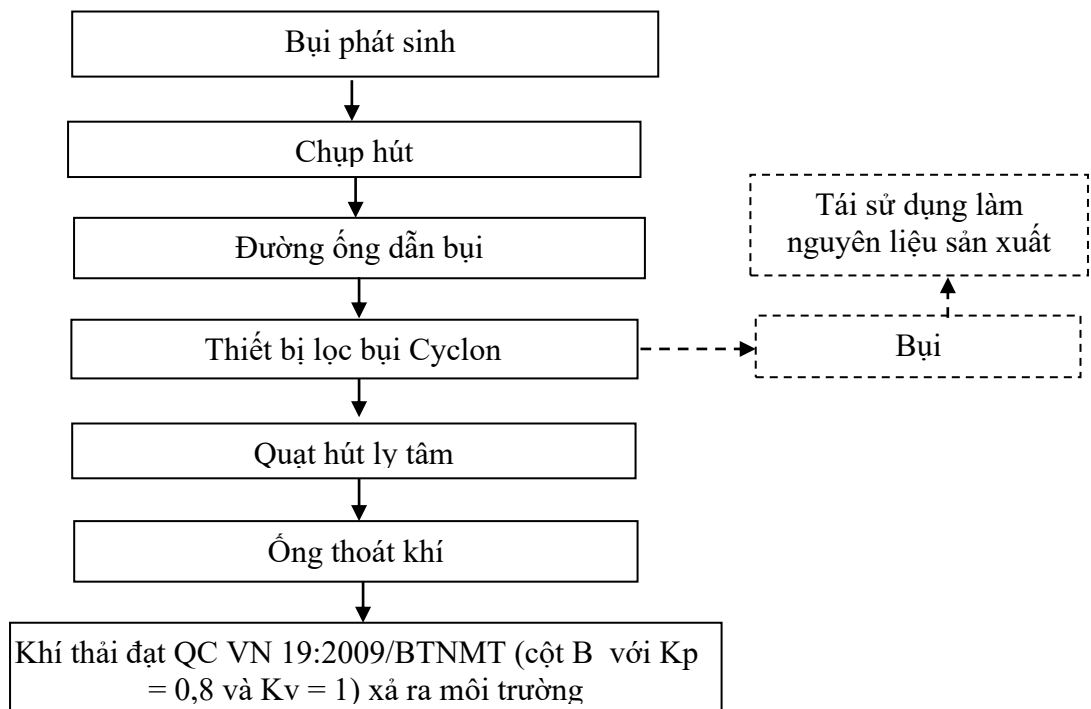
Tên Hệ thống	Vị trí xả thải	Tọa độ điểm xả thải theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105 ⁰ 30’, múi chiều 3 ⁰	
		X (m)	Y (m)
Hệ thống thu gom, xử lý bụi từ khu vực nạp liệu Silo	Miệng ống thoát khí, thuộc khu vực xã Nguyễn Văn Linh, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	2317867	555084

* **Phương thức xả thải:** Cường bức

* **Chế độ xả thải:** gián đoạn theo ca sản xuất

b. Hệ thống thu gom, xử lý bụi từ công đoạn làm nguội.

Tại dự án công đoạn làm nguội phát sinh bụi và có nhiệt độ cao. Để giảm thiểu tác động của bụi phát sinh, và giảm thiểu tác động của nhiệt đến môi trường nhà xưởng chủ dự án đã lắp đặt 02 hệ thống thu gom, xử lý bụi với công nghệ như sau:



Hình 3.6. Sơ đồ công nghệ thu gom và xử lý bụi phát sinh từ khâu làm nguội
Nguyên lý hoạt động của hệ thống:

Bụi phát sinh qua ống hút vào đường ống dẫn bụi về thiết bị lọc cyclon nhờ quạt hút. Tại thiết bị lọc bụi cyclon, dòng khí thải lẫn bụi chuyển động va đập vào thành thiết bị rơi xuống đáy cyclon. Lượng bụi này được công nhân định kỳ thu gom

và đưa về để tái sử dụng làm nguyên liệu đầu vào. Khí sạch bụi sẽ theo đường ống thoát khí thải và xả ra môi trường. Khí thải sau xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn tiếp nhận theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, $K_v = 0,8$; $K_p = 1$) trước khi xả ra ngoài môi trường qua ống thoát khí.

** Thông số kỹ thuật của 01 hệ thống:*

Tên thiết bị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
Thiết bị lọc bụi (Cyclon)	01 cái	Vật liệu: thép tấm; Chiều cao 7m
Quạt hút (S)	01 cái	Lưu lượng: 24.000 m ³ /h
Ống thoát khí	01 cái	Ống thép có D700mm, chiều cao 18 m

** Hiệu quả xử lý:* Với việc lắp đặt hệ thống thu gom và xử lý bụi phát sinh bằng cyclon, đảm bảo khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT cột B ($K_p = 0,8$; $K_v = 1$) trước khi xả thải ra môi trường.

Giới hạn nồng độ bụi đầu ra của hệ thống thể hiện qua bảng sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, với $K_p = 0,8$; $K_v = 1$)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	160
5	Lưu lượng	-	-

** Điểm xả thải:* Bụi được xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi xả thải ra ngoài môi trường qua điểm xả là miệng ống thoát khí của mỗi hệ thống

- Vị trí và tọa độ điểm xả thải:

Tên Hệ thống	Vị trí xả thải	Tọa độ điểm xả thải theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°	
		X (m)	Y (m)
Hệ thống thu gom, xử lý bụi từ công đoạn làm nguội số 01	Miệng ống thoát khí, thuộc khu vực xã Nguyễn Văn Linh, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	2317924	555087
Hệ thống thu gom, xử lý bụi từ công đoạn làm nguội số 02	Miệng ống thoát khí, thuộc khu vực xã Nguyễn Văn Linh, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	2317895	555030

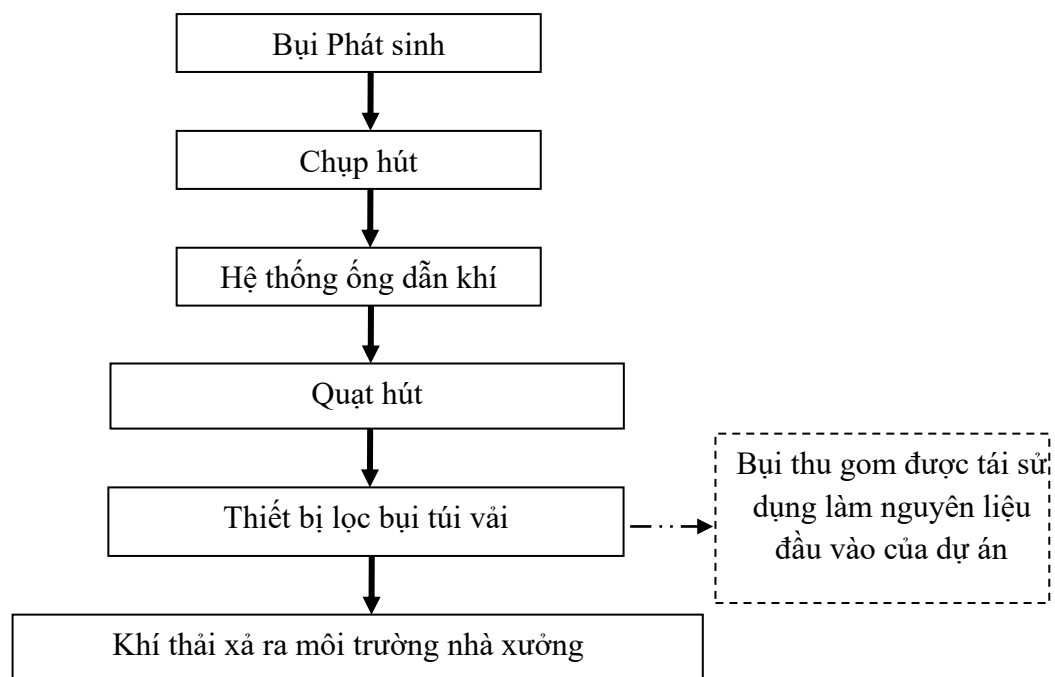
** Phương thức xả thải:* Cường bức

** Chế độ xả thải:* gián đoạn theo ca sản xuất

c. Hệ thống thu gom xử lý bụi phát sinh sử dụng thiết bị lọc bụi túi vải xả ra môi trường nhà xưởng:

* Quá trình hoạt động tại công đoạn nghiền, đóng bao, công đoạn cân thuộc tại phòng cân, công đoạn đổ thuốc (phụ gia) phát sinh bụi. Để giảm thiểu tác động của bụi và tận dụng bụi thu gom làm nguyên liệu sản xuất đầu vào. Chủ dự án đã đầu tư lắp đặt các hệ thống thu gom, xử lý bụi như sau:

- 01 Hệ thống thu gom, xử lý bụi khu vực nạp liệu (02 cửa nạp liệu trong nhà xưởng)
 - 02 Hệ thống thu gom, xử lý bụi của dosing bin (thu gom bụi từ các Silo chứa nguyên liệu mịn trước khi trộn).
 - 03 Hệ thống thu gom, xử lý bụi công đoạn nghiền
 - 01 Hệ thống thu gom, xử lý bụi khu vực cân định lượng (cân thuốc).
 - 01 Hệ thống thu gom, xử lý bụi công đoạn đổ thuốc.
 - 01 Hệ thống thu gom, xử lý bụi khu vực khu vực đóng bao
- * Các hệ thống có công nghệ xử lý tương tự nhau theo sơ đồ như sau:



Hình 3.5. Công nghệ các Hệ thống thu gom xử lý bụi dùng thiết bị lọc bụi túi vải xả ra môi trường nhà xưởng

Nguyên lý hoạt động của hệ thống:

Bụi phát sinh qua chụp hút vào đường ống dẫn bụi về thiết bị lọc bụi túi vải nhờ quạt hút. Tại thiết bị lọc bụi túi vải, dòng khí thải lẫn bụi đi qua các túi vải lọc bụi, ban đầu các hạt bụi lớn hơn khe giữa các sợi vải sẽ bị giữ lại trên bề mặt ngoài của túi vải theo nguyên lý rây, các hạt bụi nhỏ hơn bám dính trên bề mặt sợi vải lọc do va chạm, lực hấp dẫn và lực hút tĩnh điện. Dần dần, lớp bụi thu được dày lên tạo thành màng trợ lọc, lớp màng này giữ được cả các hạt bụi có kích thước rất nhỏ. Sau khoảng một thời gian, lớp bụi này dày lên làm cản trở quá trình lọc bụi và ảnh hưởng đến hiệu suất lọc của thiết bị.

Để giảm thiểu tình trạng trên, tại buồng thu bụi của hệ thống lọc bụi được lắp đặt van rũ bụi bằng khí nén để rũ bụi tự động, bụi rơi xuống buồng chứa bụi phía dưới thiết bị. Quá trình làm sạch túi lọc tại dự án thực hiện qua việc rung giữ túi lọc. Lượng bụi này được công nhân định kỳ thu gom và tái sử dụng làm nguyên liệu sản xuất. Khí sạch sau lọc bụi, được xả ra môi trường nhà xưởng

*** Thông số kỹ thuật của hệ thống:**

Hệ thống	Tên thiết bị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
Hệ thống thu gom, xử lý bụi khu vực nạp liệu	Thiết bị lọc bụi	01 cái	Vật liệu: thép tấm Kích thước: dài x rộng x cao= 1800x1380x4480mm
	Túi lọc (S)	01 bộ	Vật liệu túi lọc: Vải Polyester (sợi tổng hợp), chống ẩm, chịu nhiệt độ
	Quạt hút (S)	01 cái	Lưu lượng: 25.000 -29.000m ³ /h
Hệ thống thu gom, xử lý bụi từ dosing bin 01	Thiết bị lọc bụi	01 cái	Vật liệu: thép tấm Kích thước: dài x rộng x cao= 1080x1060x1945mm
	Túi lọc (S)	01 bộ	Vật liệu túi lọc: Vải Polyester (sợi tổng hợp), chống ẩm, chịu nhiệt độ
	Quạt hút (S)	01 cái	Lưu lượng: 3.600m ³ /h
Hệ thống thu gom, xử lý bụi từ dosing bin 02	Thiết bị lọc bụi	01 cái	Vật liệu: thép tấm Kích thước: dài x rộng x cao= 1080x1060x1945mm
	Túi lọc (S)	01 bộ	Vật liệu túi lọc: Vải Polyester (sợi tổng hợp), chống ẩm, chịu nhiệt độ
	Quạt hút (S)	01 cái	Lưu lượng: 3.600m ³ /h
Hệ thống thu gom, xử lý bụi từ công đoạn nghiền số 01	Thiết bị lọc bụi	01 cái	Vật liệu: thép tấm Kích thước: ø200x1000
	Túi lọc (S)	01 bộ	Vật liệu túi lọc: Vải Polyester (sợi tổng hợp), chống ẩm, chịu nhiệt độ Diện tích lọc: 25 m ²
	Quạt hút (S)	01 cái	Lưu lượng: 3.600m ³ /h

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
“Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm” của Công ty TNHH Sunjin Vina-cn
Hưng Yên’

Hệ thống thu gom, xử lý bụi từ công đoạn nghiền số 02	Thiết bị lọc bụi	01 cái	Vật liệu: thép tấm Kích thước: $\phi 200 \times 1000$
	Túi lọc (S)	01 bộ	Vật liệu túi lọc: Vải Polyester (sợi tổng hợp), chống ẩm, chịu nhiệt độ Diện tích lọc: 25 m ²
	Quạt hút (S)	01 cái	Lưu lượng: 3.600m ³ /h
Hệ thống thu gom, xử lý bụi từ công đoạn nghiền số 03	Thiết bị lọc bụi	01 cái	Vật liệu: thép tấm Kích thước: $\phi 200 \times 1000$
	Túi lọc (S)	01 bộ	Vật liệu túi lọc: Vải Polyester (sợi tổng hợp), chống ẩm, chịu nhiệt độ Diện tích lọc: 25 m ²
	Quạt hút (S)	01 cái	Lưu lượng: 3.600m ³ /h
Hệ thống thu gom, xử lý bụi từ công đoạn cân thuốc (phòng cân)	Thiết bị lọc bụi	01 cái	Vật liệu: thép tấm Kích thước: $\phi 200 \times 1000$
	Túi lọc (S)	01 bộ	Vật liệu túi lọc: Vải Polyester (sợi tổng hợp), chống ẩm, chịu nhiệt độ
	Quạt hút (S)	01 cái	Lưu lượng: 3.600m ³ /h
Hệ thống thu gom, xử lý bụi từ công đoạn đổ thuốc	Thiết bị lọc bụi	01 cái	Vật liệu: thép tấm Kích thước: dài x rộng x cao = 1250x1150x1920mm
	Túi lọc (S)	01 bộ	Vật liệu túi lọc: Vải Polyester (sợi tổng hợp), chống ẩm, chịu nhiệt độ
	Quạt hút (S)	01 cái	Lưu lượng: 35.000-45.000 m ³ /h
Hệ thống thu gom, xử lý bụi từ công đoạn đóng bao	Thiết bị lọc bụi	01 cái	Vật liệu: thép tấm Kích thước: $\phi 200 \times 1000$
	Túi lọc (S)	01 bộ	Vật liệu túi lọc: Vải Polyester (sợi tổng hợp), chống ẩm, chịu nhiệt độ Diện tích lọc: 25 m ²
	Quạt hút (S)	01 cái	Lưu lượng: 3.600m ³ /h

*** Hiệu quả xử lý:** Việc lắp đặt các hệ thống thu gom và xử lý bụi phát sinh bằng hệ thống lọc bụi túi vải, hiệu suất gom và khử bụi đạt 99%; môi trường không khí khu vực sản xuất đảm bảo điều kiện hoạt động của công nhân.

3.2.3. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác:

a. Biện pháp trồng cây xanh: Để giảm thiểu tác động do phương tiện giao thông, tạo cảnh quan công ty đã bố trí diện tích đất để trồng cây xanh, cụ thể:

- Dự án bố trí diện tích trồng cây xanh là 585m²; ngoài ra có bố trí cây cảnh khu văn phòng, hành lang văn phòng.

- Các khu vực bố trí cây xanh: Tiếp giáp hàng rào khu đất, xung quanh các nhà xưởng, các công trình: Công ty bố trí thảm cỏ, trồng bằng lăng, ...tạo bóng mát, ngăn bụi từ hoạt động các phương tiện giao thông, các hoạt động khác xung quanh nhà máy. Khu vực giữa thảm cỏ và sân đường bố trí dải cây hoa tầm thấp tạo cảnh quan

b. Biện pháp thông thoáng nhà xưởng: Để đảm bảo môi trường lao động cho công nhân, dự án đã thực hiện các biện pháp thông thoáng nhà xưởng như:

- Xây dựng nhà xưởng cao ráo, thông thoáng, lưu thông khí tốt.
- Có các biện pháp hỗ trợ khác như: Lắp đặt quạt mát, hệ thống điều hòa, quạt gió công nghiệp tùy từng xưởng, khu vực sản xuất.
- Thường xuyên quét dọn sau mỗi ca sản xuất.

c. Biện pháp quản lý, vận hành, vệ sinh công nghiệp tại dự án: Để giảm thiểu tác động xấu tới môi trường, chủ dự án đặt ra quy định trong sản xuất đảm bảo an toàn, vệ sinh và bảo vệ môi trường như:

- Yêu cầu tổ vệ sinh thực hiện vệ sinh thường xuyên, chuyển giao chất thải đúng quy định; chất thải sinh hoạt vận chuyển trong ngày không lưu tại dự án.

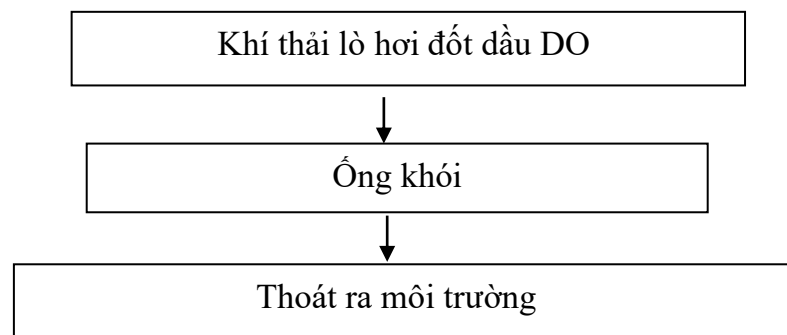
- Yêu cầu công nhân thực hiện sản xuất theo đúng thao tác đã được đào tạo tại từng vị trí việc làm như: để rác thải đúng nơi quy định, thực hành các công đoạn sản xuất đúng kỹ thuật....

- Công nhân vận hành các công trình bảo vệ môi trường theo đúng quy trình kỹ thuật. Thường xuyên kiểm tra nhằm phát hiện sớm các sự cố để có biện pháp phòng ngừa, ứng phó.

- Ngoài ra thực hiện trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân.

d. Hệ thống thoát khí thải từ lò hơi dùng dầu DO

Dự án sử dụng 01 lò hơi dùng nhiên liệu đốt là dầu DO. Do dầu DO sạch, khí thải phát sinh chứa bụi, CO, Nox. Tuy nhiên các chất ô nhiễm có trong khí thải nằm trong quy chuẩn cho phép. Do đó, chủ dự án lắp đặt 01 hệ thống thu gom, thoát khí với sơ đồ quy trình như sau:



Hình 3.16. Sơ đồ hệ thống thoát khí lò hơi

Nguyên lý hoạt động của hệ thống: Khí thải lò hơi thoát ra ngoài môi trường qua ống khói lò hơi.

*** Thông số kỹ thuật của hệ thống:**

Tên thiết bị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
Ống thoát khí	01 cái	Ống thép có D500mm, chiều cao 13m so với mặt đất

*** Điểm thoát nhiệt:**

- Vị trí ống khói: Miệng ống khói thuộc khu vực xã Nguyễn Văn Linh, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
- Tọa độ điểm thoát nhiệt theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰: X (m) = 2317915; Y (m) = 555058

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

*** Nguồn phát sinh chất thải:**

- Nguồn số 01: Chất thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình sinh hoạt của công nhân như rác thải khu nhà ăn, bao bì đóng gói thực phẩm...
- Nguồn số 02: Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình sản xuất của dự án.

*** Chứng loại và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt và thông thường phát sinh:** tại dự án phát sinh chất thải sinh hoạt, chất thải sản xuất như sau:

- Chất thải sinh hoạt phát sinh (thức ăn thừa, rau, củ.....): 37,5 tấn/năm (lấy tiêu chuẩn 0,5kg/người/ngày).
- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại dự án:

Bảng 3.2. Khối lượng, chủng loại chất thải thông thường phát sinh

TT	Thành phần	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Bùn thải từ bể tự hoại, bể tách dầu mỡ, hố gas lắng cặn nước mưa, hố ga thoát nước thải sinh hoạt;	Kg/năm	1.000
2	Bao bì, giấy, phát sinh từ hoạt động văn phòng	Kg/năm	500
3	Bao gói nguyên liệu, sản phẩm	Kg/năm	2.000
4	Sản phẩm lỗi hỏng	Kg/năm	1.000
5	Bụi thu gom từ các các hệ thống xử lý bụi của dự án	Kg/năm	1.000
6	Chất thải khác: pallet hỏng, ...	Kg/năm	200
	Tổng	Kg/năm	5.700

*** Biện pháp quản lý:** Các chất thải được thực hiện phân loại tại nguồn; Chất sau đó được thu gom và đưa về lưu giữ tạm thời tại các vị trí lưu giữ chất thông thường của dự án.

Toàn bộ lượng chất thải phát sinh của dự án đang được chủ dự án định kỳ thuê đơn vị có chức năng là chủ đầu tư hạ tầng KCN đến thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

*** Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

- Thiết bị lưu chứa: Chủ dự án trang bị các thùng chứa rác chuyên dụng bằng nhựa HDPE, có nắp đậy; bao bì mềm bằng túi nilon. Trong đó: 10 thùng (mỗi thùng dung tích chứa 20 lít) đặt tại khu văn phòng, hành lang văn phòng; 02 thùng dung tích 240 lít đặt tại khu vực nhà ăn; 02 thùng dung tích 500 lít/thùng đặt tại khu lưu giữ chất thải thông thường của dự án.

- Khu vực lưu chứa: có diện tích khoảng 4 m² trong khu lưu giữ chất thải thông thường của dự án. Khu lưu giữ chất thải có kết cấu tường xây, có mái che, sàn bê tông xi măng kín khít, nền cao ráo, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

*** Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường của dự án:**

- Thiết bị lưu chứa: Chủ dự án trang bị các thùng chứa rác chuyên dụng bằng nhựa HDPE, có nắp đậy; bao bì mềm bằng túi nilon. Trong đó: các thùng chứa tạm thời đặt tại các xưởng sản xuất; tại khu lưu giữ bố trí chia vạch, ngăn để xác định vị trí chứa từng loại chất thải.

- Khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường: Dự án bố trí các khu vực lưu giữ với các loại chất thải như sau:

- + 01 nhà chứa cám hồng có diện tích 14m²
- + 01 nhà chứa vỏ bao bì có diện tích 22 m²
- + 01 khu lưu giữ các loại chất thải khác có diện tích 14 m²

Các Khu lưu giữ chất thải thông thường của dự án có kết cấu tường xây, có mái che, sàn bê tông xi măng kín khít, nền cao ráo, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

* Nguồn phát sinh: là chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất của dự án như: bóng đèn huỳnh quang, giẻ lau dính dầu; bao bì đựng hoá chất,....

* Khối lượng phát sinh: Khối lượng, thành phần chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành của dự án theo thực tế hoạt động của dự án được chủ dự án thể hiện chi tiết như sau:

Bảng 3.3. Danh mục, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

TT	Chất thải	Đơn vị	Lượng thải	Mã chất thải
1	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Kg/năm	300	18 01 02
2	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Kg/năm	200	18 01 03
3	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Kg/năm	100	18 01 01
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Kg/năm	50	16 01 06
5	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	Kg/năm	20	08 02 01;
6	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Kg/năm	50	08 02 04
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Kg/năm	500	18 02 01
8	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Kg/năm	500	17 02 03
9	Pin, ác quy thải	Kg/năm	50	16 01 12
	Tổng	Kg/năm	1.770	

* **Biện pháp quản lý:** Các chất thải được thực hiện phân loại tại nguồn; Chất sau đó được thu gom và đưa về lưu giữ tạm thời tại khu lưu giữ chất thải nguy hại của dự án. Chủ dự án ký kết Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển đưa các loại chất thải phát sinh của dự án đi xử lý theo đúng quy định.

* **Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

- Thiết bị lưu chứa: Chủ dự án trang bị 05 thùng chứa rác chuyên dụng tại khu lưu giữ chất thải nguy hại của dự án, có dung tích mỗi thùng từ 200 lít-600l tùy loại..

- Khu vực lưu chứa: chủ dự án bố trí khu lưu giữ chất thải nguy hại tập trung của dự án có diện tích khoảng 18 m². Khu lưu chứa có kết cấu tường xây, có mái che, sàn bê tông xi măng kín khít, nền cao ráo, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại được dán biển cảnh báo ngang tầm nhìn của mọi người; các thiết bị lưu trữ chất thải nguy hại được dán biển cảnh báo có hình tam giác đều, nền tam giác màu vàng, viền đen tương ứng với tính chất của loại chất thải và ý nghĩa cảnh báo theo TCVN 6707:2009. Tại khu lưu giữ, bố trí rãnh thu (kích thước 5cm x 10cm) và hố thu trong trường hợp xảy ra sự cố tràn đổ CTNH dạng lỏng, hố thu có kích thước LxBxH = 0,5 x 0,5 x 0,5 (m).

Toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh của dự án đang được chủ dự án định kỳ thuê Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11-Urenco11 (địa chỉ xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên) đến thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các công đoạn trong quy trình sản xuất,..., quá trình bốc dỡ nguyên liệu, sản phẩm, hoạt động phương tiện giao thông vận tải, hoạt động của lò hơi, hoạt động của hệ thống xử lý khí thải...Các nguồn phát sinh này chỉ phát sinh cục bộ tại vị trí khu vực đặt máy móc, thiết bị...

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Giới hạn tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quá trình hoạt động của dự án được trình bày như sau:

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Trong quá trình hoạt động của dự án các sự cố có thể xảy ra như cháy nổ; rò rỉ dầu mỡ, hóa chất; sự cố đối với hệ thống thu gom và xử lý bụi, khí thải; sự cố xảy ra đối với hệ thống thu gom và xử lý nước thải sản xuất...

Để phòng ngừa, ứng phó với các sự cố xảy ra đối với dự án thì chủ dự án áp dụng các biện pháp sau:

a. Các biện pháp phòng chống cháy nổ

* *Biện pháp phòng ngừa:* Để phòng ngừa, ứng phó với sự cố cháy nổ xảy ra từ quá trình hoạt động của dự án thì chủ dự án:

- Đã trang bị và lắp đặt các bình chữa cháy cầm tay tại các vị trí theo đúng quy định; đầu tư lắp đặt hệ thống đường ống dẫn nước chữa cháy tại khu vực nhà xưởng

sản xuất để kịp thời cung cấp nước khi có hỏa hoạn xảy ra; Chủ dự án đã lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, hệ thống cấp nước chữa cháy, trang bị phương tiện chữa cháy cầm tay, lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn; đầu tư các trang thiết bị khác phục vụ cho ứng phó khi có sự cố xảy ra, cụ thể:

- + Hệ thống chữa cháy họng nước vách tường là tổng hợp các thiết bị kỹ thuật chuyên dùng để dập tắt đám cháy khi hỏa hoạn xảy ra.

- + Hệ thống các bình chữa cháy xách tay gồm hai loại: Bình chữa cháy bằng khí CO₂ và bình bột chữa cháy.

- Bình chữa cháy bằng khí CO₂: CO₂ là loại khí không màu, không mùi, không dẫn điện, được nén trong bình với áp suất cao (120 at) do vậy CO₂ ở dạng tuyết thán khí còn có tác dụng làm lạnh chất cháy. Sử dụng khí CO₂ để chữa cháy đám cháy thiết bị điện có điện áp dưới 1000 V, chất rắn, xăng dầu...

- Bình bột chữa cháy: Bình bột chữa cháy. Bột chữa cháy là chất không độc và không dẫn điện, có hiệu quả chữa cháy cao nên được sử dụng rộng rãi để chữa cháy các đám cháy chất rắn, lỏng, khí, thiết bị điện có điện áp dưới 1000V, chất rắn, xăng dầu..

- + Các thiết bị phòng chống cháy nổ khác như: thang, thùng cát, câu liêm, tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy.

- + Các máy móc thiết bị đều có lịch kiểm tra kèm theo và được kiểm tra, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật.

- + Chủ dự án đã được Phòng cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy số 63/TD-PCCC ngày 14 tháng 6 năm 2006; Biên bản kiểm tra nghiệm thu ngày 19/01/2007; Giấy chứng nhận thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy số 34/TD-PCCC ngày 09 tháng 5 năm 2008 và biên bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy 09/05/2008 và ngày 29/7/2008; Giấy chứng nhận thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy số 4B/TD-PCCC ngày 22 tháng 01 năm 2013; Giấy chứng nhận thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy số 66/TD-PCCC ngày 23 tháng 9 năm 2013; Văn bản thẩm duyệt PCCC số 121/TD-PCCC ngày 30/6/2023;

- Trong quá trình quản lý và sử dụng hóa chất, nhiên liệu thì chủ dự án áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động gây cháy nổ như sau:

+ Đối với các loại hóa chất sử dụng sẽ được chủ dự án lưu giữ tại khu vực kho chứa riêng đảm bảo các theo đúng quy định về an toàn hóa chất và TCVN 5507:2002 về quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm, không lưu giữ các chất dễ cháy nổ cạnh các chất duy trì sự cháy.

+ Trong quá trình sử dụng hóa chất, công nhân phải được tập huấn về việc sử dụng vận chuyển an toàn hóa chất; đồng thời trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân thực hiện.

- Các biện pháp khác được áp dụng như sau:

+ Hướng dẫn thực hành thao tác xử lý tình huống theo đúng quy tắc an toàn trong trường hợp xảy ra sự cố.

+ Các mạng lưới điện cũng được nối với các bộ ngắt tự động và được kiểm soát bằng một hệ thống tự động. Bên cạnh đó các thiết bị báo cháy và chống cháy sẽ được lắp đặt tại các khu vực của Dự án.

+ Các máy móc dùng điện được nối đất chống điện rò, chống tích điện từ. Nhà xưởng, máy móc, công trình xây dựng được thiết kế chống sét đánh thẳng, chống sét lan truyền sang đường dây cảm ứng.

* Biện pháp ứng phó: Khi có sự cố xảy ra, Ban lãnh đạo và đội PCCC của công ty lập tức thực hiện các nhiệm vụ:

- Sơ tán toàn bộ người lao động ra khỏi khu vực nguy hiểm.

- Huy động mọi nguồn lực, sử dụng các trang bị PCCC của Công ty để xử lý sự cố kịp thời.

- Đồng thời thông báo tới cơ quan chức năng để phối hợp xử lý.

- Khắc phục các sự cố sau khi đã xử lý.

b. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố thiên tai

Chống sét: Lắp đặt các cột thu sét được kết nối với đường cáp đồng thoát sét đảm bảo khả năng dẫn sét nhanh chóng, an toàn cho công trình.

Chống ngập lụt: Nhà xưởng, nhà kho được xây dựng cao ráo đảm bảo không bị nước mưa tràn vào khi có sự cố mưa bão xảy ra.

c. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn an toàn lao động: Để phòng ngừa, ứng phó với sự cố tai nạn lao động có thể xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án thì chủ dự án áp dụng các biện pháp sau:

- Trang bị các trang thiết bị bảo hộ lao động như quần áo, giày dép, khẩu trang, mũ, găng tay... cho cán bộ công nhân viên tham gia vào quá trình sản xuất.
- Tại các khu vực sản xuất sẽ được dán các loại biển báo, nội quy an toàn lao động để cán bộ công nhân viên biết và tuân thủ theo đúng nội quy.
- Bố trí thời gian làm việc hợp lý, giảm bớt áp lực cho cán bộ công nhân viên.
- Hàng năm, Công ty mở các lớp tập huấn về an toàn lao động cho cán bộ công nhân viên tham gia vào quá trình sản xuất của Công ty, đặc biệt là công nhân vận hành các hệ thống xử lý nước thải, bụi, khí thải, công nhân kho nguyên liệu, hoá chất.
- Khi có sự cố tai nạn lao động xảy ra thì chủ dự án sẽ lập tức sơ cứu người lao động, sau đó nhanh chóng đưa người lao động đến trạm y tế gần nhất.
- Hàng năm tiến hành khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể cán bộ công nhân viên làm việc tại Công ty để kiểm tra tình trạng sức khỏe của cán bộ công nhân viên có đáp ứng được yêu cầu của Công việc đặt ra hay không.

e. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ dầu mỡ, hóa chất: Dự án có sử dụng lượng hóa chất khá lớn trong quá trình hoạt động. Quá trình lưu trữ nguyên vật liệu, dầu mỡ, hóa chất và sử dụng có thể xảy ra các sự cố rò rỉ gây ô nhiễm môi trường và sự cố cháy nổ.

* Để phòng ngừa sự cố có thể xảy ra, công ty thực hiện các biện pháp sau:

- Khu vực nhập hàng hóa chất: Khi hàng vào kho, công ty có bộ phận kiểm tra chất lượng. Ở khâu này sẽ kiểm soát và tách riêng các bao bì bị đổ vỡ và rách trong quá trình nhận hàng và vận chuyển.
- Quá trình vận chuyển hàng hoá nhập kho: Nhân viên được huấn luyện thường xuyên về vận hành xe nâng để đảm bảo không xảy ra đổ bể hàng hóa trong quá trình vận hành, thường xuyên kiểm tra thiết bị nâng chuyển để đảm bảo an toàn trước khi tiến hành xếp dỡ các kiện hàng.
- Kho chứa hóa chất: Ưu tiên sử dụng Pallet chắc chắn hoặc tủ đựng các hóa chất để tránh lăn đổ, xô dịch. Các lô hàng không được xếp sát trần kho và không cao quá 2m. Các thùng hàng luôn được kiểm tra thường xuyên để đảm bảo nắp thùng luôn ở tình trạng đóng kín.
- Khu vực sản xuất: Công nhân được huấn luyện kỹ thuật các thao tác sản xuất để đảm bảo không để rơi vãi nguyên liệu hóa chất ra ngoài môi trường.

* Khi có sự cố tràn đổ hóa chất cho sản xuất trong nhà máy, công ty sẽ thực hiện các biện pháp để khắc phục như sau:

1. Di tản mọi người không có nhiệm vụ ra khỏi khu vực đổ tràn hóa chất
2. Sử dụng đồ bảo hộ phù hợp: Áo dài, Bao giày, Găng tay, khẩu trang.
3. Vứt bỏ những mảnh kính và những mảnh vụn khác (nếu có) bằng cách dùng miếng lót thấm. Để trong một thùng thích hợp dành cho vật bén nhọn.
4. Thấm dịch tràn đổ bằng vải thấm và chứa trong túi bịt kín.
5. Chứa tất cả những vật liệu bị vấy nhiễm hóa chất trong túi bịt kín.
6. Tất cả túi bịt kín và vật liệu bị nhiễm chứa trong thùng chuyên dụng đựng chất thải nguy hại và vận chuyển về khu lưu giữ chất thải nguy hại.

* *Nguồn lực, trang thiết bị ứng phó với sự cố có thể xảy ra:* Nguồn lực để tiến hành phòng ngừa và ứng phó với các sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án là toàn bộ cán bộ công nhân viên trong công ty, Công ty lập và phân công nhiệm vụ cho một đội ngũ công nhân viên chuyên thực hiện việc phòng ngừa và ứng phó khi có sự cố môi trường xảy ra. Đồng thời công ty cũng đã trang bị các thiết bị phòng ngừa và ứng phó với các sự cố có thể xảy ra như: Lắp đặt hệ thống cứu hỏa, trang bị các thiết bị bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên, trang bị các thiết bị sơ cấp cứu...

g. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố xảy ra đối với hệ thống thu gom, xử lý bụi và khí thải lò hơi

Để phòng ngừa, ứng phó với sự cố xảy ra đối với hệ thống thì chủ dự án áp dụng các biện pháp: Bố trí cán bộ theo dõi, vận hành hệ thống thường xuyên, kịp thời theo dõi, phát hiện ra sự cố xảy ra đối với hệ thống. Cho cán bộ công nhân viên bảo trì, bảo dưỡng hệ thống thường xuyên để đảm bảo tính ổn định và hiệu quả xử lý của hệ thống.

Trường hợp khi có sự cố xảy ra đối với hệ thống thì cán bộ phụ trách theo dõi, vận hành hệ thống báo cáo ngay cho lãnh đạo công ty biết để khắc phục ngay sự cố xảy ra đối với hệ thống.

Trong trường hợp sự cố không được khắc phục ngay thì chủ dự án sẽ cho dừng hoạt động sản xuất có liên quan và dừng hoạt động của lò hơi, lò gia nhiệt để không làm phát sinh thêm khí thải vào môi trường. Khi sự cố của hệ thống được khắc phục xong thì chủ dự án mới cho vận hành lại công đoạn sản xuất bình thường.

h. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố xảy ra đối với hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN

- Khi có sự cố xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN
- + Hạn chế lượng nước thải phát sinh của dự án vào hệ thống thu gom nước thải của KCN.
- + Tăng hiệu suất xử lý nước thải sản xuất của dự án để giảm tải lượng chất ô nhiễm trong nước thải của dự án đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN.
- Khi xảy ra sự cố, đơn vị hạ tầng KCN sẽ thông báo thông tin và cấp độ sự cố cho Công ty qua các phương tiện thông tin như: điện thoại, gửi công văn, gửi mail, fax,...Chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau:
 - + Dừng xả thải vào hệ thống thu gom nước thải của KCN để giảm thiểu lưu lượng nước thải đổ về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.
 - + Lưu chứa nước thải phát sinh trong hệ thống của dự án để chủ đầu tư hạ tầng KCN khắc phục sự cố. Trường hợp, sự cố hệ thống xử lý nước thải của KCN không thể khắc phục trong vòng 02 ngày, thì chủ dự án sẽ dừng hoạt động sản xuất có phát sinh nước thải sản xuất, chỉ để bộ phận văn phòng hoạt động.
 - + Chủ dự án cam kết thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chủ đầu tư hạ tầng KCN, của cơ quan chức năng khi có các sự cố xảy ra.
 - + Khi chủ đầu tư hạ tầng KCN thông báo đã khắc phục xong sự cố, cho phép các công ty trong KCN thoát nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN, khi đó công ty sẽ mới thực hiện thoát nước thải sau khi đã xử lý vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN; đồng thời cho các công đoạn sản xuất của dự án hoạt động bình thường trở lại.

i. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố ngộ độc thực phẩm:

Để phòng ngừa và giảm thiểu tác động của sự cố ngộ độc thực phẩm có thể xảy ra tại dự án thì dự án sẽ thực hiện giám sát điều kiện vệ sinh, nguồn nguyên liệu chế biến tại nhà bếp; thực hiện triệt để quy trình, kỹ thuật và nội dung kiểm thực 3 bước như: Khi nhập thực phẩm; trước khi nấu, chế biến và trước khi ăn.

k. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố mất trật tự an ninh xã hội:

Để phòng ngừa và giảm thiểu tác động của sự cố mất an ninh trật tự khu vực thực hiện dự án thì chủ dự án xây dựng các nội quy, quy chế làm việc tại dự án như:

- Mở các lớp tuyên truyền, giáo dục ý thức cho cán bộ công nhân viên nhằm hạn chế mẫu thuẫn xảy ra. Khi phát hiện ra các mẫu thuẫn xảy ra, chủ dự án sẽ nhanh chóng tìm hiểu nguyên nhân và tiến hành hòa giải giữa các bên.

- Ngoài ra chủ dự án cũng tiến hành phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương quản lý cán bộ công nhân viên của dự án để tránh các tệ nạn xã hội có thể xảy ra.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
“Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm” của Công ty TNHH Sunjin Vina-cn
Hưng Yên’

3.7. Các nội dung thay đổi so với nội dung đề án bảo vệ môi trường của dự án

Trong quá trình triển khai thực hiện dự án có một số nội dung thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được phê duyệt. Các nội dung thay đổi cụ thể như sau:

Bảng 3.5: Bảng các nội dung thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án

STT	Nội dung	Phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện	Đánh giá về các nội dung thay đổi
1	Giảm thiểu bụi công đoạn nạp liệu (cửa nạp 1&2)	Đầu tư lắp đặt 02 hệ thống thu gom, xử lý bụi bằng lọc bụi túi vải; khí sau xử lý xả ra môi trường nhà xưởng	Đầu tư lắp đặt 01 hệ thống thu gom, xử lý bụi bằng lọc bụi túi vải (cho 02 cửa nạp); khí sau xử lý xả ra môi trường nhà xưởng	Chủ dự án đầu tư 01 hệ thống thu gom, xử lý bụi cho cả 02 cửa nạp, đảm bảo công suất hút bụi, hiệu quả thu gom bụi. Việc lắp đặt chung 01 hệ thống giảm diện tích vị trí lắp đặt hệ thống, đường ống lắp đặt.
2	Giảm thiểu bụi công đoạn nạp liệu Silo	Đầu tư lắp đặt 02 hệ thống thu gom, xử lý bụi bằng lọc bụi túi vải; khí sau xử lý xả ra môi trường nhà xưởng	Đầu tư lắp đặt 01 hệ thống thu gom, xử lý bụi bằng lọc bụi túi vải; khí sau xử lý xả ra môi trường nhà xưởng	Lắp đặt 01 hệ thống với công suất lớn phù hợp với thực tế hoạt động tại dự án
3	Bụi phát sinh từ bin chứa nguyên liệu sau nghiền (dosing bin)	Không có hệ thống	Đầu tư lắp đặt 02 hệ thống thu gom, xử lý bụi bằng lọc bụi túi vải; khí sau xử lý xả ra môi trường nhà xưởng	Sau khi nghiền, nguyên liệu được đưa vào bin chứa, khi xả xuống bin chứa sẽ phát sinh bụi. Để giảm thiểu tác động và thu hồi bụi để tận dụng cho nguyên liệu đầu vào quy trình sản xuất, chủ dự án đã đầu tư 02 hệ thống thu gom, xử lý bụi cho 20 bin chứa (mỗi hệ thống thu gom cho 10 bin chứa)

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
“Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm” của Công ty TNHH Sunjin Vina-cn
Hưng Yên’

4	Công đoạn làm nguội	Đầu tư lắp đặt 01 hệ thống thu gom, xử lý bụi bằng Cyclon; khí sau xử lý xả ra môi trường ngoài nhà xưởng	Đầu tư lắp đặt 02 hệ thống thu gom, xử lý bụi bằng Cyclon; khí sau xử lý xả ra môi trường ngoài nhà xưởng (mỗi thiết bị làm mát lắp đặt 01 hệ thống)	Dự án đầu tư 02 hệ thống làm mát do đó đồng tư đồng bộ 02 hệ thống thu gom, xử lý bụi. Mỗi hệ thống làm mát lắp đặt 01 hệ thống thu gom, xử lý.
5	Phòng cân định lượng	Đầu tư lắp đặt 02 hệ thống thu gom, xử lý bụi bằng lọc bụi túi vải; khí sau xử lý xả ra môi trường nhà xưởng	Đầu tư lắp đặt 01 hệ thống thu gom, xử lý bụi bằng lọc bụi túi vải; khí sau xử lý xả ra môi trường nhà xưởng	Lắp đặt 01 hệ thống cho phòng cân với lưu lượng đảm bảo việc thu gom, xử lý
6	Công đoạn trộn	Đầu tư lắp đặt 01 hệ thống thu gom, xử lý bụi bằng Cyclon; khí sau xử lý xả ra môi trường ngoài nhà xưởng	Không lắp đặt	Bồn trộn kín, nạp liệu từ các silo chứa vào bồn trộn kín nên không lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý

** Dự án có sự thay đổi một số các nội dung so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường để đảm bảo phù hợp với thực tế sản xuất của dự án. Chủ dự án đã rà soát và điều chỉnh, bổ sung các công trình bảo vệ môi trường đảm bảo thu gom, xử lý triệt để chất thải phát sinh; không gây tác động xấu tới môi trường.*

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

*** Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt:

- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vệ sinh nhà bảo vệ.
- + Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vệ sinh nhà văn phòng.
- + Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vệ sinh xưởng sản xuất.
- + Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà bếp và nhà ăn

- Nguồn phát sinh nước thải sản xuất:

- + Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ hoạt động xả đáy, vệ sinh lò hơi

- Nguồn phát sinh nước thải khác

- + Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ hoạt động khử trùng xe ra vào nhà máy.

*** Lưu lượng phát sinh:** Tổng lưu lượng nước thải phát sinh tối đa: 9,3 m³/ngày đêm. Trong đó:

- Lưu lượng xả nước thải sinh hoạt tối đa: 9 m³/ngày đêm

- Lưu lượng xả nước thải sản xuất tối đa: 0,2 m³/ngày đêm (nguồn thải này thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý).

- Nước thải từ hoạt động khử trùng xe ra vào nhà máy: 0,1 m³/ngày (nguồn thải này thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý).

*** Dòng nước thải đề nghị cấp phép:** 01 dòng nước thải sinh hoạt sau xử lý với lưu lượng 9m³/ngày.

*** Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải được phép đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN:** Theo nội dung hợp đồng của chủ dự án với chủ đầu tư hạ tầng KCN, không yêu cầu giá trị giới hạn khi đầu nối. Công thực hiện xử lý sơ bộ nước thải trước khi đầu nối.

*** Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:**

Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ xả vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Phố Nối A qua 01 điểm đầu nối. Nước thải theo đường ống thu gom của KCN dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN để xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả theo quy định..

- Vị trí điểm đầu nổi nước thải của dự án: trên đường D4
- Vị trí tọa độ điểm xả thải theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰ như sau: X(m): 2317781; Y(m): 555093
- Phương thức xả thải: Bơm cưỡng bức.
- Chế độ xả thải: theo hoạt động sản xuất của dự án.
- Nguồn tiếp nhận nước thải của dự án: Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Phố Nối A

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

* Nguồn phát sinh bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ khu vực nạp liệu thô.
- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ khu vực nạp liệu Silo
- Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ khu vực dosing bin
- Nguồn số 04: Bụi phát sinh từ công đoạn nghiền
- Nguồn số 05: Bụi phát sinh từ phòng cân định lượng
- Nguồn số 06: Bụi phát sinh từ công đoạn đổ thuốc
- Nguồn số 07: Bụi phát sinh từ công đoạn đóng bao

* Lưu lượng xả khí thải tối đa: 118 m³/giờ

* Dòng khí thải xin cấp phép: Dự án có 03 dòng khí thải đề nghị xin cấp phép với lưu lượng xả khí thải tối đa từng dòng như sau:

TT	Ký hiệu dòng khí thải	Nguồn phát sinh	Lưu lượng xả tối đa (m ³ /giờ)
1	KT01	Hệ thống thu gom, xử lý bụi khu vực nạp liệu silo	70.000
2	KT02	Hệ thống thu gom, xử lý bụi công đoạn làm nguội số 01	24.000
3	KT03	Hệ thống thu gom, xử lý bụi công đoạn làm nguội số 02	24.000
TỔNG LƯU LƯỢNG XẢ KHÍ THẢI TỐI ĐA TẠI DỰ ÁN			118

Các nguồn phát sinh bụi, khí thải còn lại qua hệ thống thu gom, xử lý bụi, bụi được tái sử dụng làm nguyên liệu cho quy trình sản xuất; không khí sạch thoát ra môi trường nhà xưởng.

* Các chất ô nhiễm đặc trưng và giới hạn nồng độ các thông số ô nhiễm được xả thải vào môi trường của các dòng khí thải được thể hiện chi tiết trong bảng số liệu dưới đây:

Bảng 4.2: Bảng các thông số ô nhiễm đặc trưng trong khí thải và giới hạn nồng độ các thông số ô nhiễm xả thải vào môi trường

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, với $K_p = 0,8$; $K_v = 1$)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	160
2	Lưu lượng	-	-

Ghi chú:

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

$$C_{\max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

+ $C_{\max}$ là nồng độ tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp thải vào môi trường không khí, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³);

+ C là nồng độ của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp

+ K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải; lưu lượng xin cấp phép của dự án >100.000 m³/h do đó $K_p = 0,8$;

+ K_v là hệ số vùng, khu vực; Công ty nằm trong KCN. Do đó, $K_v=1$.

*** Vị trí, phương thức xả khí thải:**

- Phương thức xả khí thải: cưỡng bức

- Chế độ xả khí thải: gián đoạn theo chế độ làm việc của máy móc thiết bị tương ứng với các hệ thống.

- Nguồn tiếp nhận bụi, khí thải của dự án: Môi trường không khí khu vực xã Nguyễn Văn Linh, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

- Vị trí xả khí thải theo bảng sau:

TT	Dòng thải	Hệ thống xử lý tương ứng	Vị trí xả thải	Toạ độ điểm xả thải theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3 ⁰	
				X (m)	Y (m)
1	KT01	Hệ thống thu gom, xử lý bụi khu vực nạp liệu Silo	Miệng ống thoát khí, thuộc xã Nguyễn Văn Linh, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	2317867	555084

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
“Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm” của Công ty TNHH Sunjin Vina-cn
Hưng Yên’

2	KT02	Hệ thống thu gom, xử lý bụi công đoạn làm nguội_ số 01	Miệng ống thoát khí, thuộc xã Nguyễn Văn Linh, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	2317924	555087
3	KT03	Hệ thống thu gom, xử lý bụi công đoạn làm nguội_ số 02	Miệng ống thoát khí, thuộc xã Nguyễn Văn Linh, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	2317895	555030

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

* Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh do hoạt động của quạt hút của Hệ thống xử lý bụi khu vực nạp liệu Silo.

* Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°).

Tên nguồn	X (m)	Y (m)
Nguồn số 01	2317785	555090

* Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn: Trong quá trình hoạt động của dự án, tiếng ồn, độ rung phát sinh bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và:

- Tiếng ồn: nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn đối với khu vực thông thường

- Độ rung: nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung đối với khu vực thông thường

Bảng 4.3: Bảng giá trị giới hạn cho phép của tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	55	45	Khu vực đặc biệt
2	70	55	Khu vực thông thường

Bảng 4.4: Bảng giá trị giới hạn cho phép của độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	60	55	Khu vực đặc biệt

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại (nếu có): Toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh của dự án được

chủ dự án thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đưa đi xử lý. Do đó, Dự án không có đề nghị cấp giấy phép dịch vụ xử lý chất thải nguy hại.

4.5. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (nếu có): Dự án không sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất. Như vậy, dự án không có đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

4.6. Nội dung về quản lý chất thải:

*** Nguồn phát sinh chất thải:**

- Nguồn số 01: Chất thải sinh hoạt
- Nguồn số 02: Chất thải rắn công nghiệp thông thường
- Nguồn số 04: Chất thải nguy hại

*** Chứng loại và khối lượng chất thải rắn dự kiến phát sinh:** tại dự án phát sinh chất thải sinh hoạt, chất thải sản xuất và chất thải nguy hại dự kiến như sau:

- Chất thải sinh hoạt phát sinh (thức ăn thừa, rau, củ.....): 37,5 tấn/năm
- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại

dự án:

TT	Thành phần	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Bùn thải từ bể tự hoại, bể tách dầu mỡ, hồ gas lắng cặn nước mưa, hồ ga thoát nước thải sinh hoạt;	Kg/năm	1.000
2	Bao bì, giấy, phát sinh từ hoạt động văn phòng	Kg/năm	500
3	Bao gói nguyên liệu, sản phẩm	Kg/năm	2.000
4	Sản phẩm lỗi hỏng	Kg/năm	1.000
5	Bụi thu gom từ các các hệ thống xử lý bụi của dự án	Kg/năm	1.000
6	Chất thải khác: pallet hỏng, ...	Kg/năm	200
	Tổng	Kg/năm	5.700

- Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh

TT	Chất thải	Đơn vị	Lượng thải	Mã chất thải
1	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Kg/năm	300	18 01 02

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
“Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm” của Công ty TNHH Sunjin Vina-cn
Hưng Yên’

2	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Kg/năm	200	18 01 03
3	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Kg/năm	100	18 01 01
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Kg/năm	50	16 01 06
5	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	Kg/năm	20	08 02 01;
6	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Kg/năm	50	08 02 04
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Kg/năm	500	18 02 01
8	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Kg/năm	500	17 02 03
9	Pin, ác quy thải	Kg/năm	50	16 01 12
	Tổng	Kg/năm	1.770	

*** Biện pháp quản lý:**

- Các chất thải được thực hiện phân loại tại nguồn; Chất thải sau đó được thu gom và đưa về lưu giữ tạm thời tại khu lưu giữ thải tương ứng của dự án.
- Toàn bộ chất thải phát sinh tại dự án được hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, đưa đi xử lý theo đúng quy định.

*** Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

- Thiết bị lưu chứa: Chủ dự án trang bị các thùng chứa rác chuyên dụng bằng nhựa HDPE, có nắp đậy; bao bì mềm bằng túi nilon. Trong đó: 10 thùng (mỗi thùng dung tích chứa 20 lít) đặt tại khu văn phòng, hành lang văn phòng; 02 thùng dung tích 240 lít đặt tại khu vực nhà ăn; 02 thùng dung tích 500 lít/thùng đặt tại khu lưu giữ chất thải thông thường của dự án.

- Khu vực lưu chứa: có diện tích khoảng 4 m² trong khu lưu giữ chất thải thông thường của dự án. Khu lưu giữ chất thải có kết cấu tường xây, có mái che, sàn bê tông xi măng kín khít, nền cao ráo, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

*** Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường của dự án:**

- Thiết bị lưu chứa: Chủ dự án trang bị các thùng chứa rác chuyên dụng bằng nhựa HDPE, có nắp đậy; bao bì mềm bằng túi nilon. Trong đó: các thùng chứa tạm thời đặt tại các xưởng sản xuất; tại khu lưu giữ bố trí chia vạch, ngăn để xác định vị trí chứa từng loại chất thải.

- Khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường: Dự án bố trí các khu vực lưu giữ với các loại chất thải như sau:

+ 01 nhà chứa cám hỏng có diện tích 14m²

+ 01 nhà chứa vỏ bao bì có diện tích 22 m²

+ 01 khu lưu giữ các loại chất thải khác có diện tích 14 m²

Các Khu lưu giữ chất thải thông thường của dự án có kết cấu tường xây, có mái che, sàn bê tông xi măng kín khít, nền cao ráo, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

*** *Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:***

- Thiết bị lưu chứa: Chủ dự án trang bị 05 thùng chứa rác chuyên dụng tại khu lưu giữ chất thải nguy hại của dự án, có dung tích mỗi thùng từ 200 lít-600l tùy loại..

- Khu vực lưu chứa: chủ dự án bố trí khu lưu giữ chất thải nguy hại tập trung của dự án có diện tích khoảng 18 m². Khu lưu chứa có kết cấu tường xây, có mái che, sàn bê tông xi măng kín khít, nền cao ráo, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại được dán biển cảnh báo ngang tầm nhìn của mọi người; các thiết bị lưu trữ chất thải nguy hại được dán biển cảnh báo có hình tam giác đều, nền tam giác màu vàng, viền đen tương ứng với tính chất của loại chất thải và ý nghĩa cảnh báo theo TCVN 6707:2009. Tại khu lưu giữ, bố trí rãnh thu (kích thước 5cm x 10cm) và hố thu trong trường hợp xảy ra sự cố tràn đổ CTNH dạng lỏng, hố thu có kích thước LxBxH = 0,5 x 0,5 x 0,5 (m).

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Dự án đã đi vào hoạt động năm 2007, Chủ dự án đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án và đã được Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên phê duyệt tại Quyết định số 2143/QĐ-BQL ngày 27 tháng 3 năm 2015.

Thực hiện yêu cầu của cơ quan chức năng và quy chế của KCN, cũng như hợp đồng ký kết giữa các bên; Chủ dự án đã thực hiện xử lý sơ bộ nước thải phát sinh; sau đó đầu nối toàn bộ nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN theo đúng quy định.

Trong quá trình hoạt động, công ty từng bước cải thiện các vấn đề về bảo vệ môi trường, đầu tư các công trình thu gom, xử lý nước thải, khí thải, đảm bảo yêu cầu, quy định về bảo vệ môi trường.

5.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải:

* Thông tin về nước thải của dự án:

- Tổng lưu lượng nước thải phát sinh năm 2023: 4.048 m³/năm. Trong đó: nước thải sản xuất phát sinh 90 m³/năm; nước thải sinh hoạt phát sinh 3.958 m³/năm.

- Tổng lưu lượng nước thải phát sinh năm 2024: 2.952 m³/năm. Trong đó: nước thải sản xuất phát sinh 90 m³/năm; nước thải sinh hoạt phát sinh 2862 m³/năm.

- Tại dự án không phát sinh nước trao đổi nhiệt ra môi trường

* Tổng hợp kết quả quan trắc môi trường đối với nước thải năm 2023,2024: trong năm 2023, 2024, Chủ dự án đã thực hiện quan trắc định kỳ đối với nước thải, cụ thể:

- *Vị trí quan trắc nước thải:*

+ *Vị trí NT01:* quan trắc nước thải sinh hoạt tại hố ga đầu nối nước thải sinh hoạt vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Phố Nối A.

+ *Vị trí NT02:* quan trắc nước thải sản xuất tại bể gom nước xả cặn lò hơi.

- *Tần suất quan trắc:* Thực hiện quan trắc định kỳ 03 tháng/lần

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
“Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm” của Công ty TNHH Sunjin Vina-cn
Hưng Yên’

- Các thông số quan trắc: Lưu lượng, nhiệt độ, pH, BOD₅, CO₂, TSS, As, Hg, Pb, Cd, Mn, Fe, amoni, tổng N, tổng P, clo dư, tổng Coliform.

- Tổng hợp kết quả quan trắc môi trường định kỳ như sau:

Bảng 5.1: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải sinh hoạt năm 2023

TT	Thông số	Đơn vị	Tháng 3/2023	Tháng 6/2023	Tháng 9/2023	Tháng 12/2023
1	Lưu lượng	m ³ /h	<3		0,3	-
2	pH*	-	6,9	7.1	7,24	6,9
3	TSS	mg/L	251	48	22	82
4	BOD ₅	mg/L	745,6	36.9	<3	81,6
5	COD	mg/L	1.360	70.4	18.8	158,5
6	As	mg/L	<0,0005	0,002	0,0042	<0,001
7	Hg	mg/L	<0,0002	<0,0005	<0,002	<0,0005
8	Pb	mg/L	<0,0002	0,0021	<0,006	0,0014
9	Cd	mg/L	<0,0001	<0,0005	<0,006	<0,0005
10	Mn	mg/L	0,086	<0,02	0,061	0,07
11	Fe	mg/L	1,04	<0,02	0,168	<0,02
12	Amoni	mg/L	<0,2	0,99	<0,05	10,46
13	Tổng Nito	mg/L	2,24 (LOQ=6)	3.5	<9	13,17
14	Tổng P	mg/L	14,75	0.08	<0,17	1,86
15	Clo dư	mg/L	<0,2	0,5	<0,09	2,2
16	Tổng coliform	MPN/100mL	2.100	3.500	1.100	5.400

Bảng 5.1: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải sinh hoạt năm 2024

TT	Thông số	Đơn vị	Tháng 3/2024	Tháng 6/2024	Tháng 9/2024	Tháng 12/2024
1	Lưu lượng	m ³ /h	0,36	-	28	0,34
2	pH*	-	7,24	6,9	7,06	6,61
3	TSS	mg/L	22	82	28	10
4	BOD ₅	mg/L	<3	81,6	<3	<3
5	COD	mg/L	18.8	158,5	20	11,2
6	As	mg/L	0,0042	<0,001	<0,0015	0,0034
7	Hg	mg/L	<0,002	<0,0005	<0,0002	<0,0002
8	Pb	mg/L	<0,006	0,0014	<0,006	<0,020
9	Cd	mg/L	<0,006	<0,0005	<0,006	<0,0060
10	Mn	mg/L	0,061	0,07	<0,016	<0,05
11	Fe	mg/L	0,168	<0,02	0,179	0,334

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
“Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm” của Công ty TNHH Sunjin Vina-cn
Hưng Yên’

12	Amoni	mg/L	<0,05	10,46	<0,15	<0,05
13	Tổng Nito	mg/L	<9	13,17	<9	<9
14	Tổng P	mg/L	<0,17	1,86	0,23	<0,17
15	Clo dư	mg/L	<0,09	2,2	<0.03	<0,03
16	Tổng coliform	MPN/100mL	1.100	5.400	3.500	13

**Bảng 5.3: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải sản xuất
(nước xả cặn lò hơi) năm 2023**

TT	Thông số	Đơn vị	Tháng 3/2023	Tháng 7/2023	Tháng 9/2023	Tháng 12/2023
1	Lưu lượng	m ³ /h	<3	-	0,3	-
2	pH*	-	7,3	7	9,94	6,5
3	TSS	mg/L	13	46	21	28
4	BOD ₅	mg/L	9,4	31.9	<3	13,2
5	COD	mg/L	17,3	54.4	17,8	32,3
6	As	mg/L	<0,0005	<0,001	0,0176	0,003
7	Hg	mg/L	<0,0002	<0,0005	<0,0002	<0,0005
8	Pb	mg/L	0,001	<0,0005	0,0350	0,0009
9	Cd	mg/L	<0,0001	<0,0005	<0,006	<0,0005
10	Mn	mg/L	0,052	<0,02	<0,048	0,06
11	Fe	mg/L	0,78	<0,02	0,355	0,3
12	Amoni	mg/L	<0,2	0,99	<0,15	<0,03
13	Tổng Nito	mg/L	2,24 (LOQ=6)	3,1	<9	<3
14	Tổng P	mg/L	3,05	2,85	65,1	3,36
15	Clo dư	mg/L	<0,2	0,4	<0,09	0,8
16	Tổng coliform	MPN/100mL	1.100	1.700	1.050	2.200

**Bảng 5.1: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải sản xuất
(nước xả cặn lò hơi) năm 2024**

TT	Thông số	Đơn vị	Tháng 3/2024	Tháng 6/2024	Tháng 9/2024	Tháng 12/2024
1	Lưu lượng	m ³ /h	0,3	0,2	0,28	0,29
2	pH*	-	9,94	8,3	8,83	8,38
3	TSS	mg/L	21	17	24	17
4	BOD ₅	mg/L	<3	<3	<3	<3
5	COD	mg/L	17,8	25	9	26,4
6	As	mg/L	0,0176	0,0067	<0,0015	0,0067
7	Hg	mg/L	<0,0002	<0,0002	<0,0002	<0,0002
8	Pb	mg/L	0,0350	0,0290	<0,020	0,0290
9	Cd	mg/L	<0,006	<0,006	<0,0060	<0,006

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
“Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm” của Công ty TNHH Sunjin Vina-cn
Hưng Yên’

10	Mn	mg/L	<0,048	<0,05	<0,05	<0,05
11	Fe	mg/L	0,355	0,262	0,445	0,262
12	Amoni	mg/L	<0,15	<0,05	<0,05	<0,05
13	Tổng Nito	mg/L	<9	<9	<9	<9
14	Tổng P	mg/L	65,1	2,1	0,61	2,03
15	Clo dư	mg/L	<0,09	<0,03	<0,03	<0,03
16	Tổng coliform	MPN/100mL	13	35	1.300	33

Nhận xét: Theo Hợp đồng ký kết giữa công ty và chủ đầu tư hạ tầng KCN từ năm 2006, theo đó nước thải của công ty chỉ cần xử lý sơ bộ và đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN (hợp đồng không yêu cầu về tiêu chuẩn đầu nối). Công ty thực hiện quan trắc theo quy định.

5.3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải

* Tại dự án trong năm 2023, 2024 trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của dự án xả thải ra môi trường. Chủ dự án đã thực hiện quan trắc định kỳ đối với khí thải; tần suất 04 lần/năm. Kết quả quan trắc tổng hợp như bảng sau:

Bảng 5.3: Bảng kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi và khí thải năm 2023

T T	Thông số	Đơn vị	KT3 (tháng 3)	KT3 (tháng 7)	KT3 (tháng 10)	KT3 (tháng 12)	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)
1	Lưu lượng	m ³ /h	4.338	12.523	-	12.404	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	7,9	59		56,5	160
3	Nhiệt	mg/Nm ³	-	-	-	-	-

Bảng 5.4: Bảng kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi và khí thải năm 2024

T T	Thông số	Đơn vị	KT3 (tháng 3)	KT3 (tháng 7)	KT3 (tháng 9)	KT3 (tháng 12)	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)
1	Lưu lượng	m ³ /h	19.727	-	21.237	21.079	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	1,58		1,54	1,23	160
3	Nhiệt	mg/Nm ³	-	-	54	52	-

- Ghi chú:

KT3: Khí thải tại ống phóng không sau hệ thống xử lý bụi bằng Cyclon

* Đánh giá: Qua kết quả quan trắc tại các bảng trên cho thấy, các chỉ tiêu ô nhiễm trong khí thải đảm bảo quy chuẩn theo quy định. Vậy, hệ thống xử lý khí thải của Công ty đang vận hành hiệu quả.

5.4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải

Tình hình phát sinh và chuyển giao, xử lý chất thải của dự án năm 2023, 2024 như sau:

Bảng 5.5. Tình hình phát sinh và biện pháp xử lý đối với chất thải năm 2023

TT	Loại chất thải	Lượng phát sinh (kg/năm)	Biện pháp xử lý
1	Chất thải thông thường (bao gồm cả chất thải sinh hoạt)	Sinh hoạt: 51 m ³ /năm	Thuê Công ty TNHH phát triển hạ tầng khu công nghiệp Hoà Phát Hưng Yên thu gom, xử lý
		Thông thường 1.438 kg/năm	Thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý là Công ty CP môi trường đô thị và công nghiệp 11-Ureenco 11
2	Chất thải nguy hại	72	Thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý là Công ty CP môi trường đô thị và công nghiệp 11-Ureenco 11
2.1	Dầu thải	20	Thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý là Công ty CP môi trường đô thị và công nghiệp 11-Ureenco 11
2.2	Hộp mực	2	Thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý là Công ty CP môi trường đô thị và công nghiệp 11-Ureenco 11
2.3	Giẻ lau găng tay dính dầu	50	Thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý là Công ty CP môi trường đô thị và công nghiệp 11-Ureenco 11

Bảng 5.6. Tình hình phát sinh và biện pháp xử lý đối với chất thải năm 2024

TT	Loại chất thải	Lượng phát sinh (kg/năm)	Biện pháp xử lý
1	Chất thải sinh hoạt	60 m ³	Thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý là Công ty TNHH phát triển hạ tầng khu công nghiệp Hoà Phát Hưng Yên
	Chất thải thông thường khác	570	Thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý là Công ty CP môi trường đô thị và công nghiệp 11-Ureenco 11
2	Chất thải nguy hại		
2.1	Dầu Thải	95	Thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý là Công ty CP môi trường đô thị và công nghiệp 11-Ureenco 11
2.2	Giẻ lau dính dầu	230	Thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý là Công ty CP môi trường đô thị và công nghiệp 11-Ureenco 11

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
“Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm” của Công ty TNHH Sunjin Vina-cn
Hung Yên’

2.3	Hộp mực	0	Thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý là Công ty CP môi trường đô thị và công nghiệp 11-Urenco 11
2.4	Bóng đèn huỳnh quang, mảnh thủy tinh	25	Thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý là Công ty CP môi trường đô thị và công nghiệp 11-Urenco 11

5.5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường

Dự án Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm đi vào hoạt động từ năm 2007 tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Trong 02 năm gần đây (năm 2023, năm 2024) quá trình hoạt động, cơ sở không có thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường.

Kể từ khi dự án đi vào hoạt động đến thời điểm lập báo cáo, dự án chưa được cơ quan có chức năng cấp Giấy phép môi trường theo quy định. Nguyên nhân việc thực hiện chưa đầy đủ thủ tục hành chính về môi trường do Công ty đã tiến hành rà soát tổng thể nhà máy và các điều kiện cần thiết để thực hiện thủ tục xin cấp Giấy phép môi trường theo quy định. Qua quá trình rà soát, công ty phát hiện đã bị thất lạc một số giấy tờ và bản vẽ của hạ tầng và máy móc của nhà máy, vì vậy công ty đã khẩn trương tìm các biện pháp để tìm kiếm và bổ sung các loại giấy tờ trên để phục vụ công tác thuyết minh quy trình sản xuất và phương án bảo vệ môi trường. Tuy nhiên do sự phức tạp của quy trình sản xuất và cơ sở hạ tầng, việc thực hiện tìm kiếm và bổ sung gặp nhiều khó khăn và cản trở, vấn đề này đã tiêu tốn rất nhiều thời gian của công ty, do đó công ty đã không thể thực hiện các thủ tục đúng thời hạn quy định.

Chương VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, chủ dự án đầu tư đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, cụ thể như sau:

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Chủ dự án dự kiến vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của dự án với các thông tin được thể hiện chi tiết trong bảng số liệu dưới đây:

Bảng 6.1: Bảng tổng hợp thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án

TT	Tên công trình	Thời gian	Quy mô
1	Hệ thống thu gom, xử lý bụi khu vực nạp liệu silo	06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường	Công suất thiết kế: 70.000 m ³ /giờ
			Công suất vận hành thử nghiệm: theo thực tế phát sinh
2	Hệ thống thu gom, xử lý bụi công đoạn làm nguội số 01	06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường	Công suất thiết kế: 24.000 m ³ /giờ
			Công suất vận hành thử nghiệm: theo thực tế phát sinh
3	Hệ thống thu gom, xử lý bụi công đoạn làm nguội số 02	06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường	Công suất thiết kế: 24.000 m ³ /giờ
			Công suất vận hành thử nghiệm: theo thực tế phát sinh

Ghi chú: Thời gian vận hành thử nghiệm trên đây chỉ là thời gian dự kiến. Trường hợp thay đổi về thời gian, Chủ dự án sẽ thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm cho cơ quan cấp Giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm các công trình.

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Theo quy định tại khoản 8, điều 01, thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên

và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, đối với dự án không thuộc cột 3, Phụ lục II, ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (nay được sửa đổi thay thế bởi cột 3, Phụ lục II, ban hành kèm theo Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ), việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư, cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

Đối chiếu với quy định, dự án không thuộc cột 3, Phụ lục II, ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (nay được sửa đổi thay thế bởi cột 3, Phụ lục II, ban hành kèm theo Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ), do đó chủ dự án tự xác định Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu khí thải như sau:

- Vị trí lấy mẫu, thông số quan trắc và tiêu chuẩn so sánh tại từng vị trí quan trắc như sau:

TT	Ký hiệu đồng thải	Hệ thống	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc	Tiêu chuẩn so sánh
1	KT01	Hệ thống thu gom, xử lý bụi khu vực nạp liệu silo	Ống thoát khí của hệ thống	Lưu lượng, Bụi	QCVN 19:2009/BTNMT (K _p = 0,8; K _v = 1);
2	KT02	Hệ thống thu gom, xử lý bụi công đoạn làm nguội số 01	Ống thoát khí của hệ thống	Lưu lượng, Bụi	QCVN 19:2009/BTNMT (K _p = 0,8; K _v = 1);
3	KT03	Hệ thống thu gom, xử lý bụi công đoạn làm nguội số 02	Ống thoát khí của hệ thống	Lưu lượng, Bụi	QCVN 19:2009/BTNMT (K _p = 0,8; K _v = 1);

+ Tiêu chuẩn so sánh:

➤ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

- Trước khi dự án đi vào VHTN các công trình bảo vệ môi trường của dự án, chủ dự án sẽ gửi Thông báo tới cơ quan cấp Giấy phép môi trường cho dự án và cơ quan liên quan theo đúng quy định.

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: chủ dự án dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch quan trắc môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm như: Trung tâm kỹ thuật môi trường & an toàn hóa chất – Viện hóa học công nghiệp Việt Nam, Công ty TNHH ETECH Việt Nam

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

* **Đối với nước thải:** Dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo quy định tại Phụ lục II, Nghị định 05/2025/NĐ-CP. Dự án chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt ra hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN; Nước thải sản xuất thuê đơn vị có chức năng hút cặn đưa đi xử lý. Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án lớn nhất là: 9 m³/ngày; toàn bộ lượng nước thải phát sinh thu gom, xử lý sơ bộ, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN Phố Nối A theo hợp đồng ký kết giữa các bên. Do đó, theo quy định tại khoản 2, điều 97, Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Khoản 46, điều 1, Nghị định 05/2025/NĐ-CP thì dự án không phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.

* **Đối với bụi, khí thải:** Dự án đầu tư lắp đặt 03 hệ thống thu gom, xử lý bụi; sau xử lý ra môi trường; tổng lưu lượng xả 118.000 m³/giờ. Đối chiếu theo quy định tại điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP thì dự án phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ. Ngoài ra chủ dự án thực hiện quan trắc đối với ống khói lò hơi dùng nhiên liệu dốttd lò là dầu DO.

- Chủ dự án xác định chương trình giám sát môi trường định kỳ đối với khí thải tại dự án được thực hiện như sau:

+ Tần suất quan trắc: 01 năm/lần.

+ Vị trí giám sát, thông số giám sát và tiêu chuẩn so sánh từng vị trí như sau:

TT	Ký hiệu đòng thải	Hệ thống	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc	Tiêu chuẩn so sánh
1	KT01	Hệ thống thu gom, xử lý bụi khu vực nạp liệu silo	Ống thoát khí của hệ thống	Lưu lượng, Bụi	QCVN 19:2009/BTNMT (Kp = 0,8; Kv= 1);
2	KT02	Hệ thống thu gom, xử lý bụi công đoạn làm nguội số 01	Ống thoát khí của hệ thống	Lưu lượng, Bụi	QCVN 19:2009/BTNMT (Kp = 0,8; Kv= 1);
3	KT03	Hệ thống thu gom, xử lý bụi công đoạn làm nguội số 02	Ống thoát khí của hệ thống	Lưu lượng, Bụi	QCVN 19:2009/BTNMT (Kp = 0,8; Kv= 1);
4	KT04	Hệ thống thoát khí thải lò hơi	Ống khói lò hơi	Lưu lượng, Bụi, CO, SO ₂ , NO _x	QCVN 19:2009/BTNMT (Kp = 0,8; Kv= 1);

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

* **Quan trắc nước thải:** Dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo quy định tại Phụ lục II, Nghị định 05/2025/NĐ-CP. Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án lớn nhất là: 9 m³/ngày; toàn bộ lượng nước thải phát sinh được thu gom, xử lý sơ bộ, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN Phố Nối A theo hợp đồng ký kết giữa các bên. Do đó, theo quy định tại khoản 2, điều 97, Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Khoản 46, điều 1, Nghị định 05/2025/NĐ-CP thì dự án không phải thực hiện quan trắc môi trường tự động đối với nước thải.

* **Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp:** Dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nên theo quy định dự án không phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm: Kinh phí dự kiến vào khoảng 30 triệu/năm.

Chương VII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường: Chủ dự án cam kết Các thông tin, số liệu được nêu trong hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án là chính xác, trung thực. Nếu có gì sai trái chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật của Việt Nam.

2. Cam kết về việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan:

- Vận hành các công trình, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường như đã nêu ra trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường sau khi được cơ quan chức năng cấp Giấy phép môi trường;

- Môi trường không khí: Đầu tư 03 hệ thống thu gom xử lý bụi phát sinh từ các công đoạn nạp liệu silo, làm nguội đảm bảo xử lý bụi đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT cột B ($K_p=0,8$; $K_v=1$) trước khi xả thải vào môi trường; Đầu tư 10 hệ thống thu gom xử lý bụi phát sinh từ các công đoạn nghiền, đóng bao, dosing bin, đổ thuốc, phòng cân thuốc đảm bảo xử lý bụi đạt quy chuẩn trước khi xả vào môi trường trong nhà xưởng; Đầu tư 01 hệ thống thoát khí lò hơi dùng dầu DO. Chủ dự án cam kết các hệ thống thu gom và xử lý bụi và khí thải vận hành hiệu quả, đảm bảo môi trường làm việc cho công nhân.

- Nước thải: Nước thải công đoạn xả cặn, vệ sinh lò hơi được thu gom, lắng cặn, định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom, đưa đi xử lý; Nước thải từ khâu khử trùng xe được thu gom và thuê đơn vị có chức năng đến hút, đưa đi xử lý. Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh của dự án được thu gom, xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn của KCN, sau đó thực hiện đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Phố Nối A.

- Chất thải rắn: rác thải sinh hoạt, sản xuất và Chất thải nguy hại sẽ được thu gom, phân loại và lưu giữ tạm thời tại dự án; định kỳ thuê đơn vị đủ chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Chủ dự án cam kết các nguyên liệu, hóa chất sử dụng không thuộc danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam theo đúng quy định hiện hành.

- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân trong quá trình hoạt động;

- Chấp hành đúng quy định chế độ kiểm tra, thanh tra và báo cáo định kỳ về bảo vệ môi trường;

- Trong quá trình hoạt động, nếu có bất cứ sự cố môi trường nào phát sinh do các hoạt động của dự án gây ra, có tác động xấu tới chất lượng môi trường trong khu vực dự án hay khu vực lân cận chủ dự án cam kết sẽ đền bù và phối hợp với cơ quan chức năng có thẩm quyền để giải quyết, khắc phục, xử lý triệt để và toàn diện những nguồn, yếu tố gây ô nhiễm môi trường.

- Thực hiện việc lập, gửi kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình BVMT của dự án theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và chấp hành chế độ báo cáo công tác BVMT hàng năm theo các quy định pháp luật nêu trên;

3. Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định này:

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Áp dụng các biện pháp giảm thiểu, thu gom, xử lý bụi, khí thải, mùi khó chịu; bảo đảm không để rò rỉ, phát tán khí độc hại ra môi trường; kiểm soát tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ nhiệt;

- Bảo đảm nguồn lực, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường;

Thực hiện quan trắc nước thải, bụi, khí thải theo quy định.

PHỤ LỤC BÁO CÁO